



ISPAAE

Số Tháng 3/2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

THỊ TRƯỜNG **ASEAN**

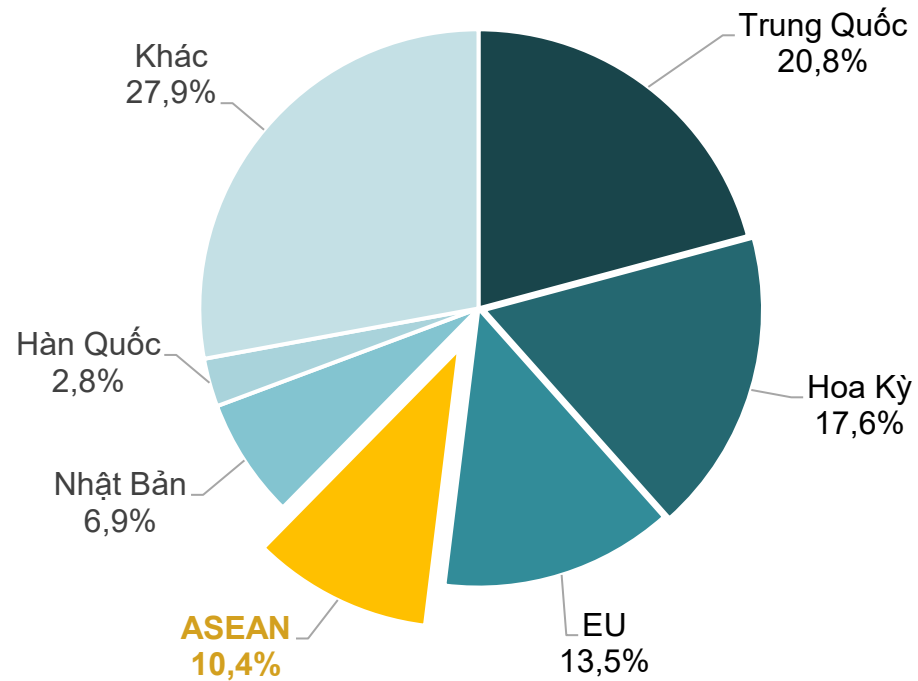


Thực hiện bởi:

AGREINFOS

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG ASEAN THÁNG 2/2026

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường ASEAN, T2/2026

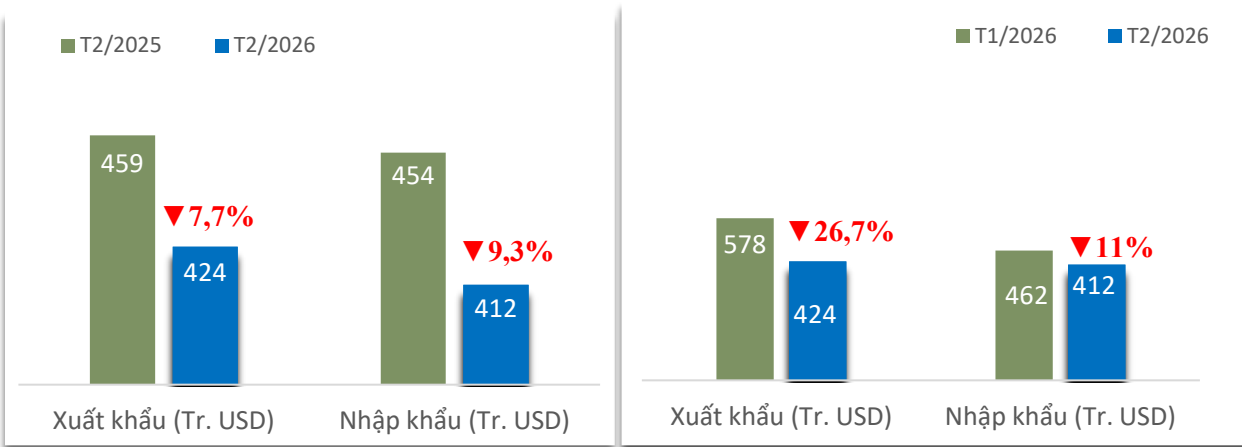


Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường ASEAN 2/2026 so với T1/2026 và T2/2025

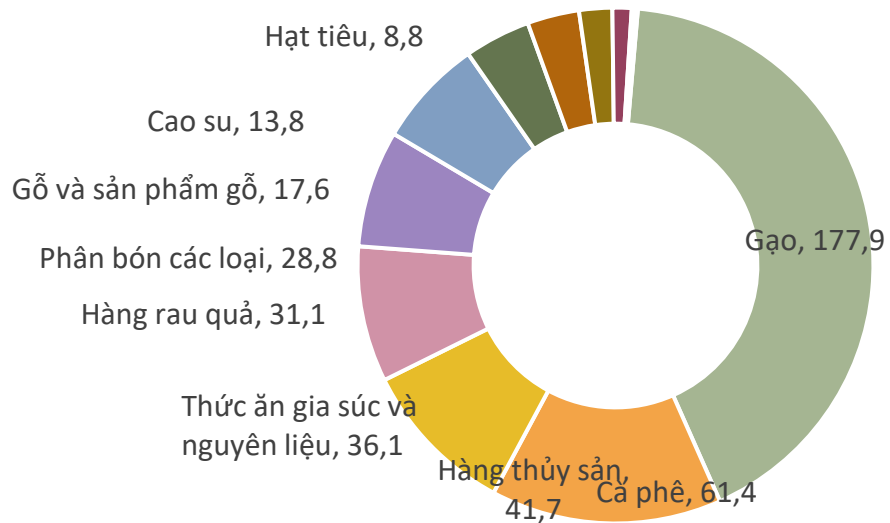
Thị trường	Giá trị (triệu USD)	So với T1/2026	So với T2/2025
Trung Quốc	848	▼ 2,1%	▲ 4,2%
Hoa Kỳ	717	▼ 1,1%	▼ 0,6%
EU	551	▲ 1,0%	▼ 0,6%
ASEAN	424	▲ 1,6%	▲ 0,5%
Nhật Bản	283	▼ 0,3%	▼ 0,9%
Hàn Quốc	114	▼ 0,2%	▼ 0,7%
Tổng XK	4.073		

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG ASEAN THÁNG 2/2026

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS VN – ASEAN, T2/2026



Kim ngạch xuất khẩu NLTS sang ASEAN, T2/2026



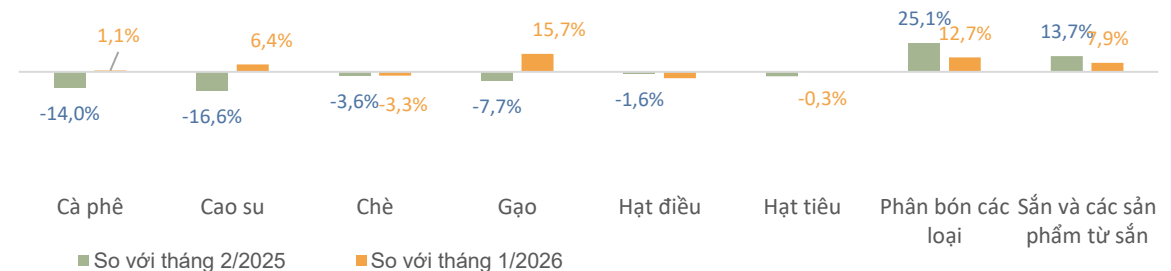
Đơn vị: Triệu USD

Nguồn: Cục Hải quan

Biến động giá trị xuất khẩu NLTS sang ASEAN T2/2026 so với T1/2026



Biến động giá xuất khẩu bình quân của một số sản phẩm NLTS sang ASEAN T2/2026 so với T2/2025 và so với T1/2026





Triển khai Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 608/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030 và 2031-2035. Mục tiêu của Chương trình nhằm hiện thực hóa các ưu tiên chiến lược của Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN giai đoạn 2026-2030, giai đoạn 2031-2035 và tầm nhìn 2045.



Triển khai Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN



Chương trình tập trung tối ưu hóa hệ thống pháp luật về logistics, kinh tế số và kinh tế xanh nhằm giảm thiểu hàng rào kỹ thuật, giúp doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các FTA (RCEP, ASEAN+) để tham gia sâu vào chuỗi cung ứng khu vực. Với 6 mục tiêu chiến lược hướng tới thị trường chung thống nhất, Việt Nam ưu tiên nâng cao năng lực thích ứng trước biến động cung cầu toàn cầu, thúc đẩy kim ngạch xuất nhập khẩu và khẳng định vị thế chủ động trong định hình các sáng kiến kinh tế liên vùng.

Nguồn: aseanvietnam.vn

Các giải pháp cho an ninh lương thực khu vực Đông Nam Á

Xung đột địa chính trị đang tạo ra cú sốc cung ứng nghiêm trọng, khiến giá phân bón urê lũy kế tăng hơn 50% và đe dọa trực tiếp đến an ninh lương thực ASEAN. Với đặc thù là khu vực nhập khẩu ròng năng lượng và vật tư nông nghiệp, các thị trường mục tiêu như Thái Lan, Philippines và Việt Nam đang đối mặt áp lực lạm phát do chi phí cao, làm thu hẹp biên lợi nhuận xuất khẩu gạo và các loại nông sản chủ lực. Để ứng phó với biến động cung cầu, doanh nghiệp và nhà quản lý cần ưu tiên đa dạng hóa nguồn cung nội khối, đẩy nhanh chuyển đổi sang nông nghiệp tái tạo và tận dụng lộ trình chiến lược của AMAF 2026-2030 nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào các chuỗi cung ứng toàn cầu vốn đang cực kỳ dễ bị tổn thương.

Nguồn: aseanvietnam.vn

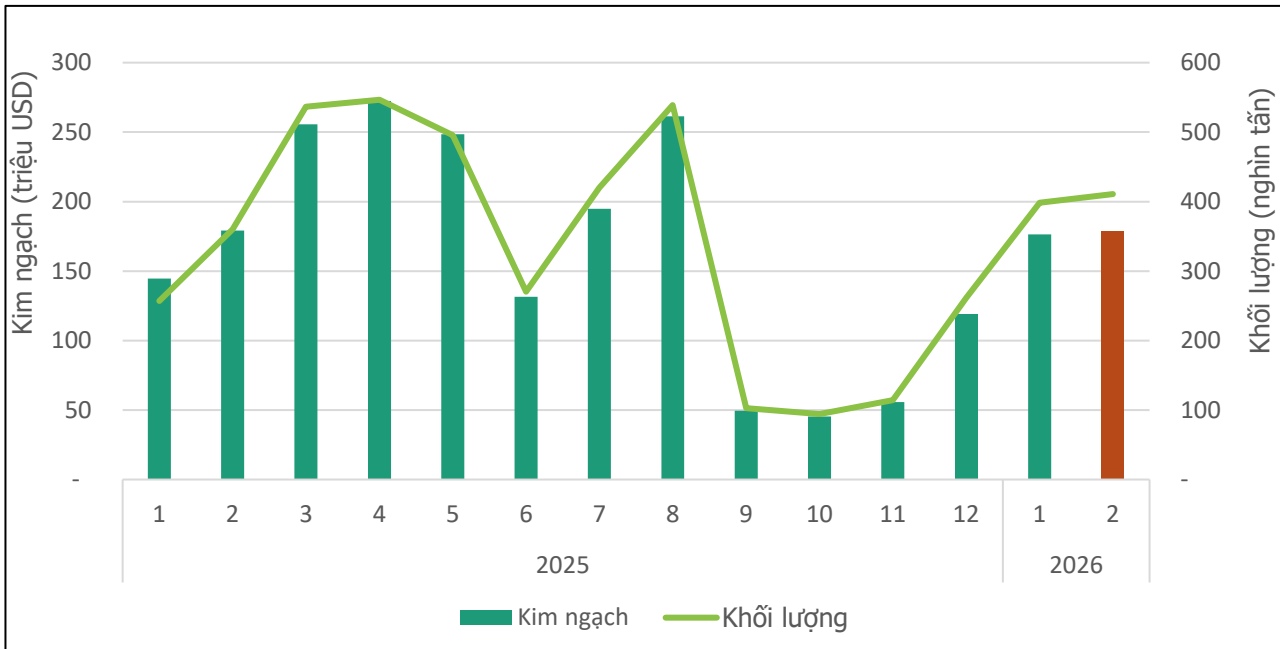
Các giải pháp cho an ninh lương thực khu vực Đông Nam Á





LÚA GẠO

Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T2/2026



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN, T2/2026

KIM NGẠCH
178,8 triệu USD

↗ Tăng **1,4%** so với T1/2026

↘ Giảm **0,2%** so với T2/2025

↗ Cao hơn **15,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

◇ Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026 đạt **355,2** triệu USD, đạt **9,0%** kim ngạch 2025

KHỐI LƯỢNG
401,8 nghìn tấn

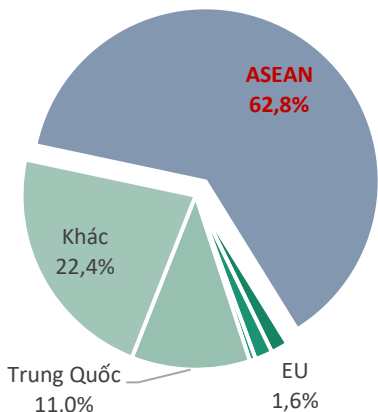
↗ Tăng **3,1%** so với T1/2026

↗ Tăng **14,0%** so với T2/2025

↗ Cao hơn **77,7 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

◇ Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026 đạt **809,3** nghìn tấn, đạt **20,2%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị gạo VN sang thị trường ASEAN, T2/2026



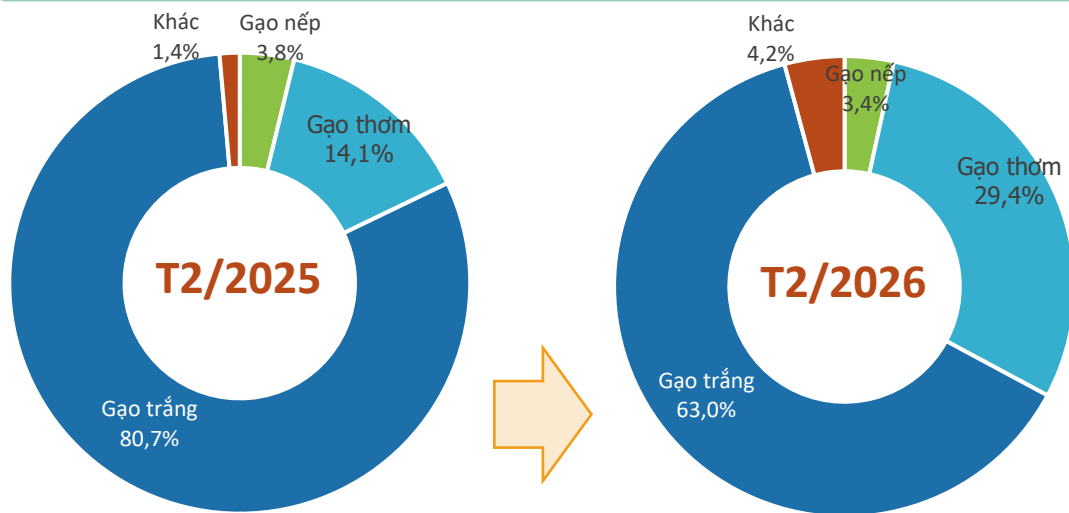
Biến động tỷ trọng giá trị gạo VN sang thị trường ASEAN, T2/2026





LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T2/2026



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN, T2/2026



Gạo trắng

Kim ngạch: **112,6** triệu USD
 Tăng **11%** so với T1/2026
 Giảm **22%** so với T2/2025



Gạo thơm

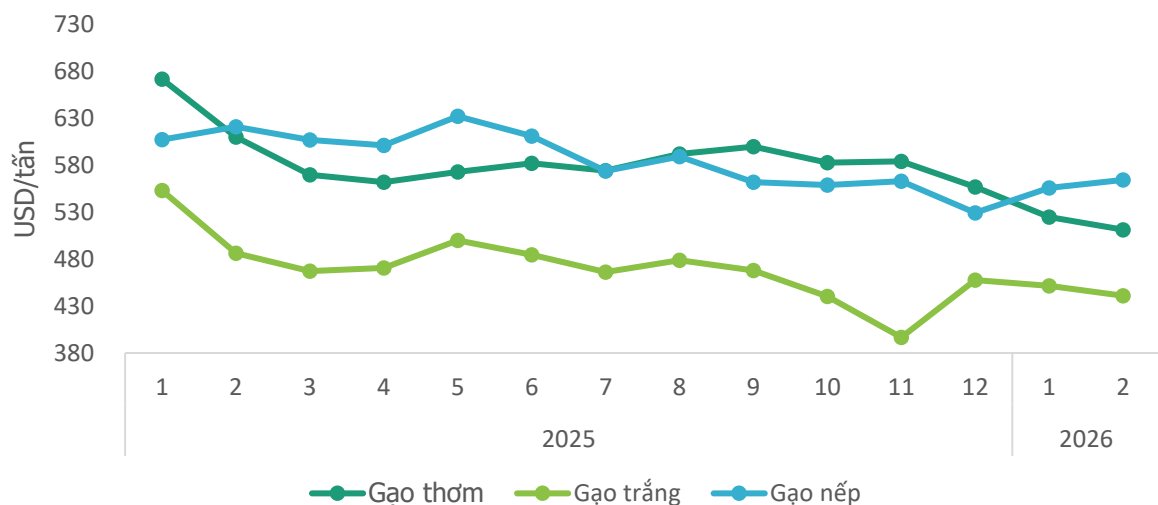
Kim ngạch: **52,6** triệu USD
 Giảm **1%** so với T1/2026
 Tăng **109%** so với T2/2025



Gạo nếp

Kim ngạch: **6,2** triệu USD
 Giảm **18%** so với T1/2026
 Giảm **10%** so với T2/2025

Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN, T2/2026



Gạo nếp

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **565** USD/tấn; **tăng 2%** so với tháng trước; và **giảm 9%** so với cùng kỳ năm 2025.

Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **511** USD/tấn; **giảm 3%** so với tháng trước; và **giảm 16%** so với cùng kỳ năm 2025.

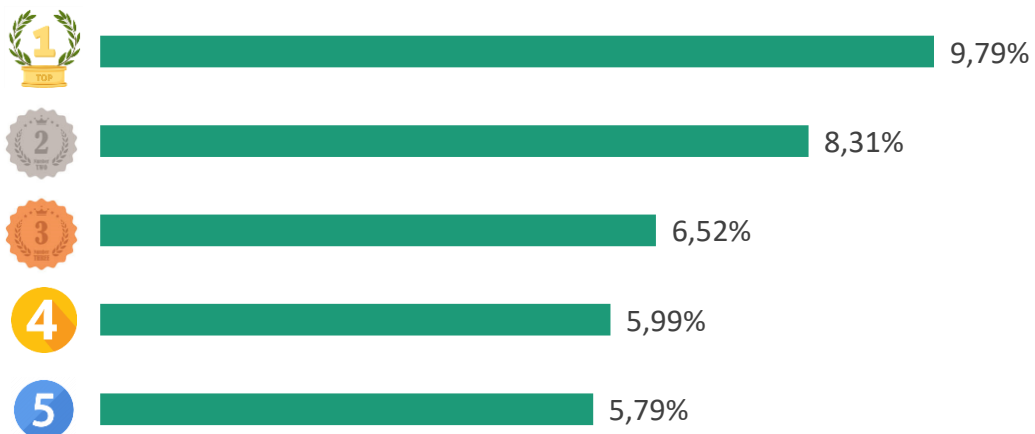
Gạo trắng

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **441** USD/tấn; **giảm 2%** so với tháng trước; và **giảm 9%** so với cùng kỳ năm 2025.

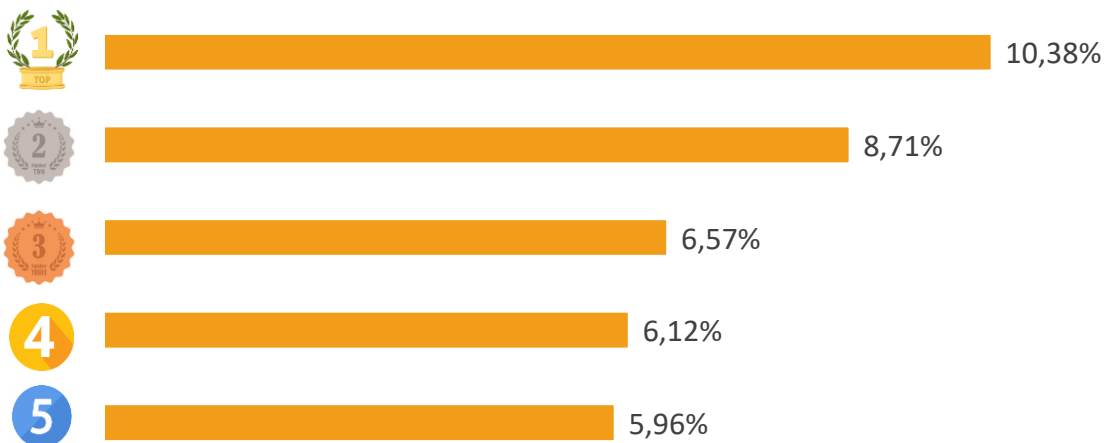


LÚA GẠO

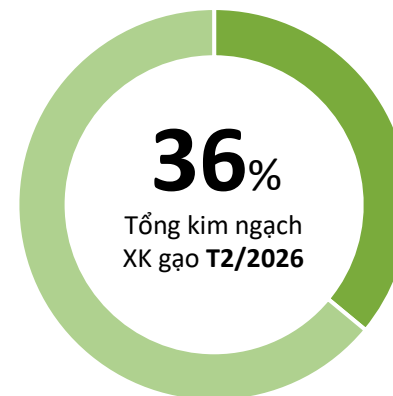
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường ASEAN, T2/2026



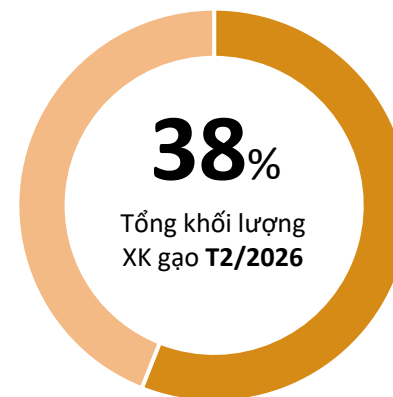
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng XK sang thị trường ASEAN, T2/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp XK sang thị trường ASEAN, T2/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp XK sang thị trường ASEAN, T2/2026





LÚA GẠO

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO ASEAN

01

Tính đến ngày 19/3/2026, lượng gạo nhập khẩu của Philippines đã đạt 1,01 triệu tấn, tăng 10,44% so với tổng lượng nhập trong quý I/2025 và vượt xa mức dự báo khoảng 750.000 tấn cho cả quý I/2026 của Bộ Nông nghiệp nước này. Trong đó, gạo thường chiếm tới 96,77%, còn lại là gạo đặc sản; Việt Nam tiếp tục là nguồn cung lớn nhất, chiếm 85,97% tổng lượng gạo cập cảng, tiếp theo là Thái Lan, Myanmar và Campuchia. Philippines vẫn duy trì nhu cầu nhập khẩu cao để bảo đảm nguồn cung trong nước, đồng thời phản ánh vai trò của gạo Việt Nam.

Nguồn: bworldonline.com

02

Thái Lan và Nam Phi đã thống nhất đẩy nhanh kỳ họp Ủy ban Thương mại hỗn hợp (JTC) tiếp theo và nâng cấp lên cấp bộ trưởng ngay trong năm 2026 nhằm thúc đẩy thương mại song phương và tháo gỡ các rào cản logistics, thanh toán. Trong định hướng mở rộng xuất khẩu sang thị trường Nam Phi và châu Phi, phía Thái Lan xác định gạo là một trong những mặt hàng chủ lực có tiềm năng đầy mạnh, bên cạnh thực phẩm chế biến và nông sản. Năm 2025, tổng kim ngạch thương mại song phương đạt 4,01 tỷ USD, trong đó gạo nằm trong nhóm mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Thái Lan sang Nam Phi. Động thái này cho thấy Thái Lan đang tích cực tìm kiếm thêm dư địa thị trường mới cho gạo xuất khẩu, trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế ngày càng gia tăng.

Nguồn: nationthailand.com



TIN LIÊN QUAN



LÚA GẠO

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO ASEAN

03 Theo ANTARA, Indonesia bảo đảm được lượng gạo đủ dùng trong 324 ngày, tương đương gần 11 tháng, nhờ sản lượng hàng tháng đạt từ 2,6 đến 5,7 triệu tấn, cao hơn mức tiêu thụ bình quân khoảng 2,59 triệu tấn/tháng.

Tính đến đầu tháng 3/2026, tổng nguồn cung gạo được xác nhận đạt 27,99 triệu tấn, gồm 3,76 triệu tấn tồn kho tại Bulog, 12,50 triệu tấn do người dân nắm giữ và 11,73 triệu tấn lúa đang chờ thu hoạch; riêng sản lượng gạo giai đoạn tháng 1–5/2026 được dự báo đạt khoảng 16,92 triệu tấn.

Bức tranh này cho thấy nguồn cung nội địa của Indonesia đang ở mức khá dồi dào, qua đó giúp nước này củng cố mục tiêu tự chủ lương thực và giảm phụ thuộc vào nhập khẩu gạo trong năm 2026.

Nguồn: en.antaranews.com

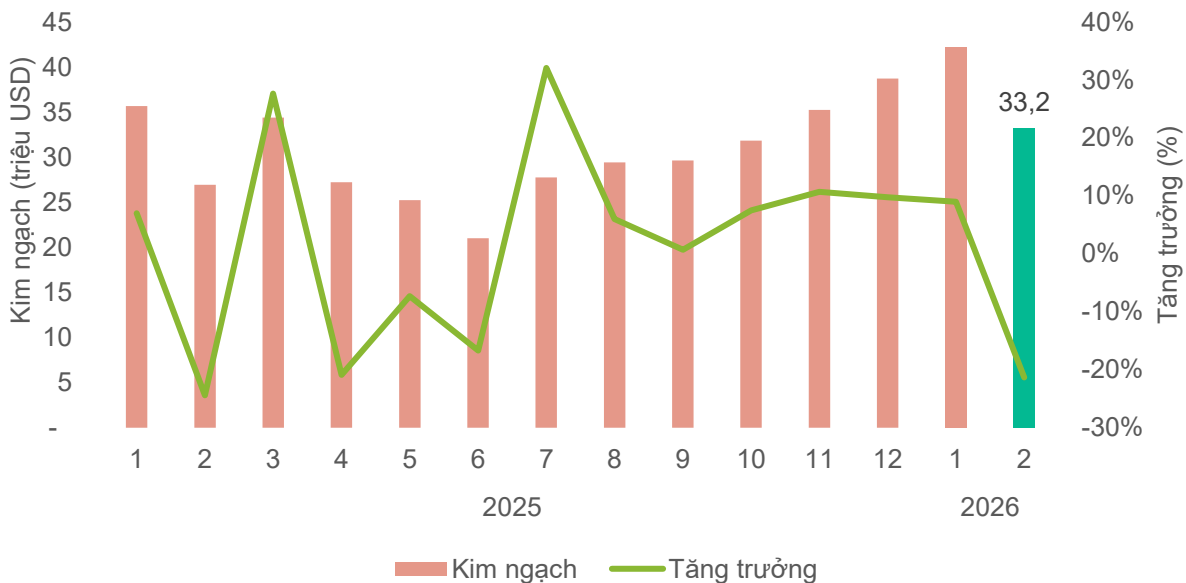


TIN LIÊN QUAN



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T2/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN, T2/2026

KIM NGẠCH

33,2
triệu USD

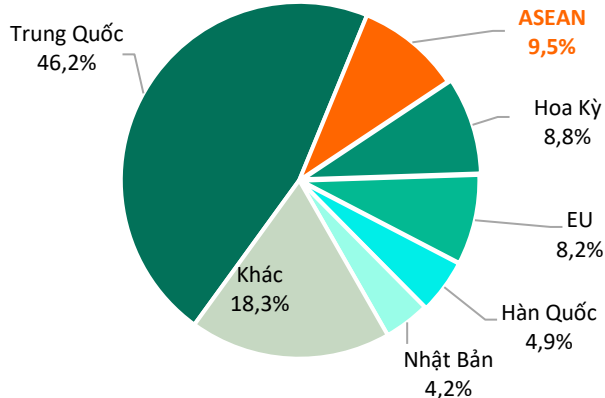
Giảm **21,3%** so với T1/2026

Tăng **23,2%** so với T2/2025

Cao hơn **3,0 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 2 tháng năm 2026 đạt **75,4 triệu USD**, đạt **20,8%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam sang thị trường ASEAN, T2/2026

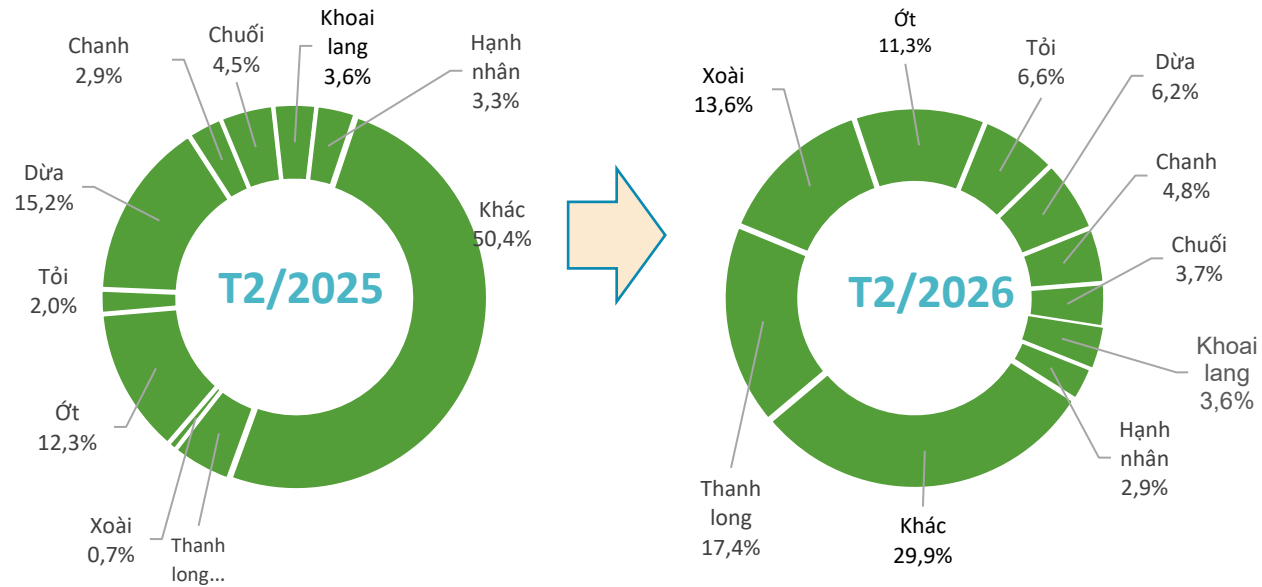


Biến động tỷ trọng giá trị rau quả XK sang thị trường ASEAN, T2/2026



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T2/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN, T2/2026



Thanh long

Kim ngạch: **5,8** triệu USD
 Tăng **7,5%** so với T1/2026
 Tăng **326,7%** so với T2/2025



Xoài

Kim ngạch: **4,5** triệu USD
 Tăng **1,6%** so với T1/2026
 Cao gấp **22,8** lần so với T2/2025



Ớt

Kim ngạch: **3,8** triệu USD
 Giảm **53,8%** so với T1/2026
 Tăng **12,7%** so với T2/2025



Tỏi

Kim ngạch: **2,2** triệu USD
 Giảm **2,1%** so với T1/2026
 Tăng **305,7%** so với T2/2025



Dừa

Kim ngạch: **2,1** triệu USD
 Giảm **34,1%** so với T1/2026
 Giảm **49,5%** so với T2/2025



Chanh

Kim ngạch: **1,6** triệu USD
 Tăng **26,3%** so với T1/2026
 Tăng **102,2%** so với T2/2025



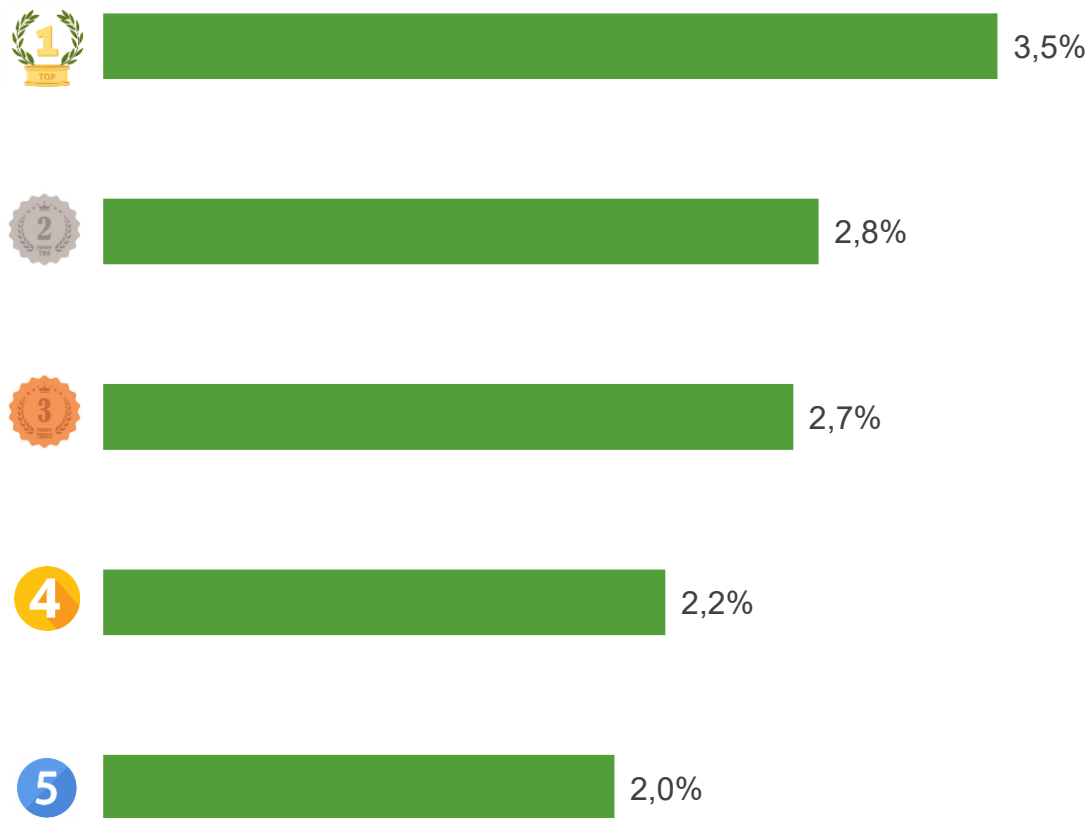
Chuối

Kim ngạch: **1,2** triệu USD
 Tăng **5,2%** so với T1/2026
 Tăng **2,7%** so với T2/2025

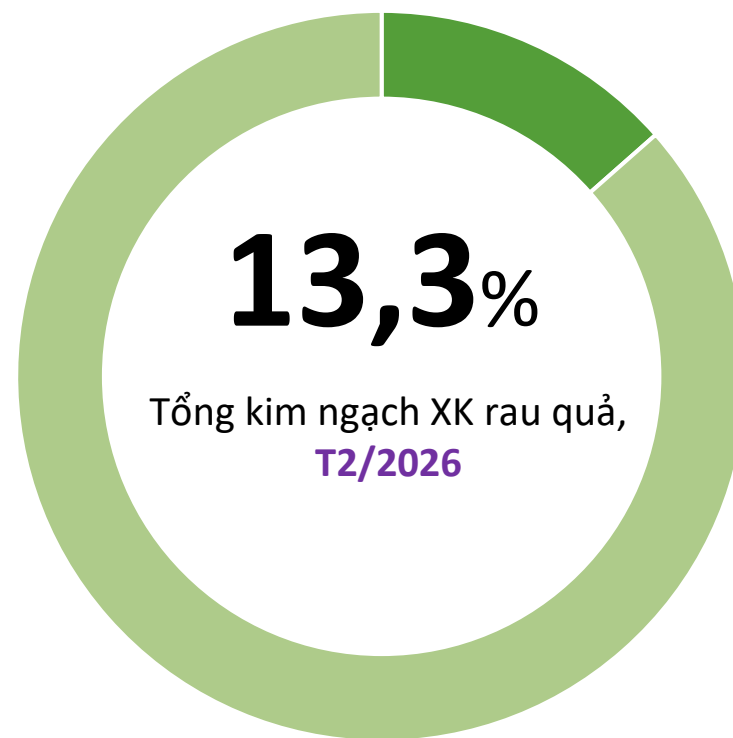


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T2/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T2/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường ASEAN, T2/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường ASEAN, T2/2026

KIM NGẠCH



23,9

triệu USD

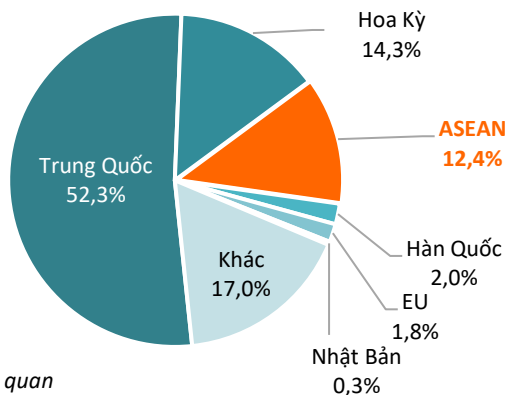
Giảm **23,2%** so với T1/2026

Giảm **3,5%** so với T2/2025

Thấp hơn **12,9 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 2 tháng năm 2026 đạt **55,0 triệu USD**, đạt **12,5%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam NK từ thị trường ASEAN, T2/2026



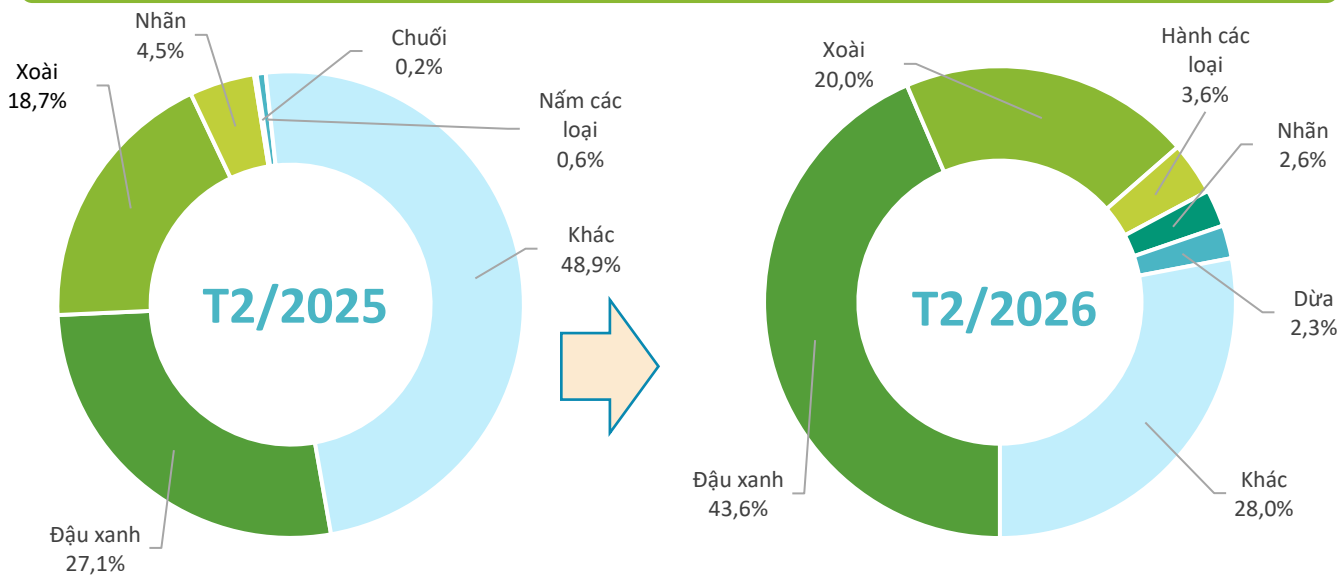
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN NK từ thị trường ASEAN, T2/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ thị trường ASEAN, T2/2026



Nhãn

Kim ngạch: **616,3** nghìn USD
Giảm **22,5%** so với T1/2026
Giảm **45,0%** so với T2/2025



Chuối

Kim ngạch: **532,3** nghìn USD
Giảm **5,4%** so với T1/2026
Cao hơn **12,0** lần so với T2/2025

Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường ASEAN, T2/2026



Đậu xanh

Kim ngạch: **10,5** triệu USD
Giảm **22,5%** so với T1/2026
Tăng **56,6%** so với T2/2025



Xoài

Kim ngạch: **5,8** triệu USD
Giảm **6,8%** so với T1/2026
Tăng **25,7%** so với T2/2025



Nấm các loại

Kim ngạch: **525,8** nghìn USD
Tăng **44,6%** so với T1/2026
Tăng **237,8%** so với T2/2025

Nông dân Indonesia đang phải gánh chịu thiệt hại nặng nề do mưa lũ cuốn trôi vụ thu hoạch sầu riêng ở Java.

Nông dân trồng sầu riêng tại đảo Java đang đối mặt với tình trạng mất mùa nghiêm trọng do mưa lớn và thời tiết ngày càng thất thường. Nhiều vườn sầu riêng bị ảnh hưởng nặng khi mưa kéo dài làm rụng hoa và trái non, khiến cây không thể đậu quả.

Một nông dân cho biết sản lượng thu hoạch của gia đình ông đã giảm mạnh từ khoảng 3.500 quả xuống chỉ còn 500 quả trong vòng một năm.

Giá sầu riêng giảm khiến thu nhập nhiều hộ gia đình bị ảnh hưởng, trong khi chi phí sản xuất cao làm gia tăng nguy cơ thua lỗ. Đồng thời, biến đổi khí hậu với các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng nhiều cũng làm rủi ro sản xuất nông nghiệp tăng lên.

Nguồn: News.mongabay.com



Tin liên quan



Lượng chuối xuất khẩu của Myanmar sang Trung Quốc đã giảm gần một nửa

Xuất khẩu chuối của Myanmar sang Trung Quốc trong niên vụ 2025/26 giảm mạnh. Từ tháng 4/2025 đến tháng 1/2026 có khoảng 157.200 tấn chuối nuôi cấy mô được xuất khẩu sang Trung Quốc qua cửa khẩu Kanpaiti, giảm khoảng 45,4% so với 287.900 tấn của cùng kỳ năm trước. Hiện giá xuất khẩu khoảng 2.520 nhân dân tệ (khoảng 365 USD) /tấn.

Nguyên nhân chủ yếu do một số lô hàng phát hiện dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, khiến phía Trung Quốc tạm dừng nhập khẩu từ một số doanh nghiệp. Mặc dù bang Kachin có 46 doanh nghiệp được cấp phép, nhưng hiện chỉ 15 doanh nghiệp còn tiếp tục xuất khẩu chuối sang Trung Quốc.

Nguồn: News.foodmate.net



Tin liên quan



Sầu riêng quả nhỏ Thái Lan chịu áp lực đầu ra trước mùa thu hoạch 2026

Khi bước vào vụ thu hoạch chính năm 2026, ngành sầu riêng Thái Lan đang lo ngại tình trạng sầu riêng quả nhỏ gia tăng trong bối cảnh thị trường tiêu thụ thu hẹp. Nguyên nhân là nhu cầu nội địa giảm do kinh tế khó khăn, sức mua từ một số nước láng giềng cũng yếu đi, trong khi thời tiết thất thường làm tỷ lệ quả nhỏ tăng lên. Cùng với đó, sản lượng sầu riêng năm nay dự kiến cao hơn 20–30% so với năm trước, khiến nguy cơ dư cung và giá bán giảm mạnh, đặc biệt với hàng loại 2.

Trước tình hình này, nông dân Thái Lan mong Chính phủ sớm đàm phán với Trung Quốc để cải thiện quy trình kiểm tra, cho phép kiểm định và niêm phong container ngay tại vườn nhằm giảm ùn tắc thông quan. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao, Thái Lan nhấn mạnh việc duy trì tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và kiểm soát chuỗi xuất khẩu là yếu tố then chốt để mở rộng thị trường bền vững.

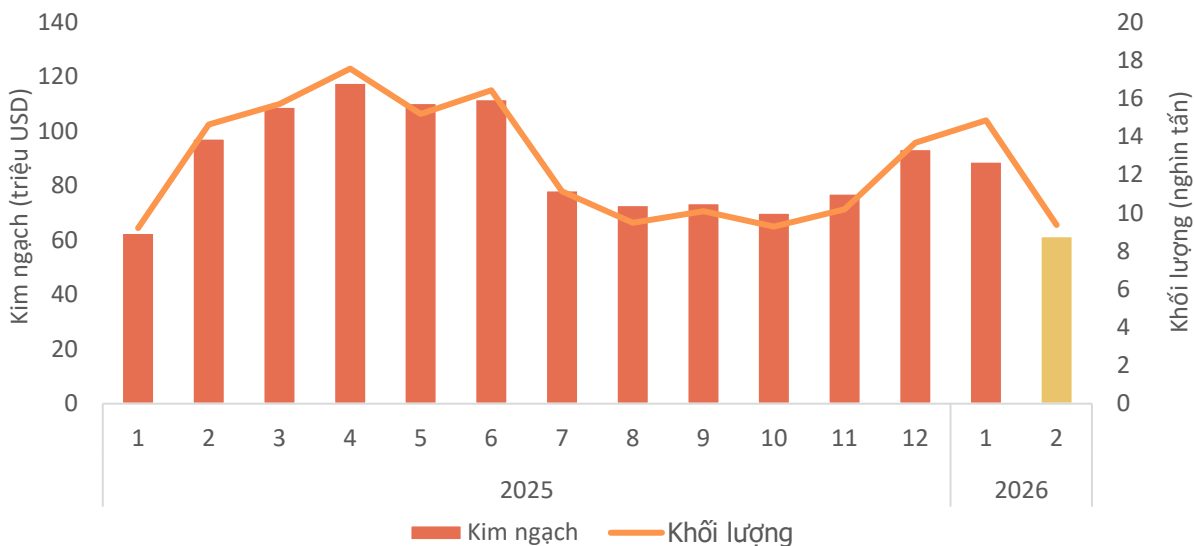
Nguồn: Nongnghiepmoitruong.vn



Tin liên quan

CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T2/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường ASEAN, T2/2026

KIM NGẠCH

61,4 triệu USD

↘ Giảm **30,8%** so với T1/2026

↘ Giảm **36,9%** so với T2/2025

↘ Thấp hơn **28 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Giá trị xuất khẩu 2 tháng năm 2026 đạt **150,2** triệu USD, đạt **14%** kim ngạch 2025.

KHỐI LƯỢNG

9,4 nghìn tấn

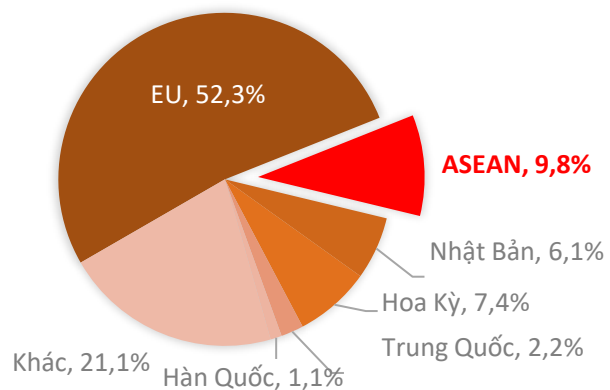
↘ Giảm **37%** so với T1/2026

↘ Giảm **36,1%** so với T2/2025

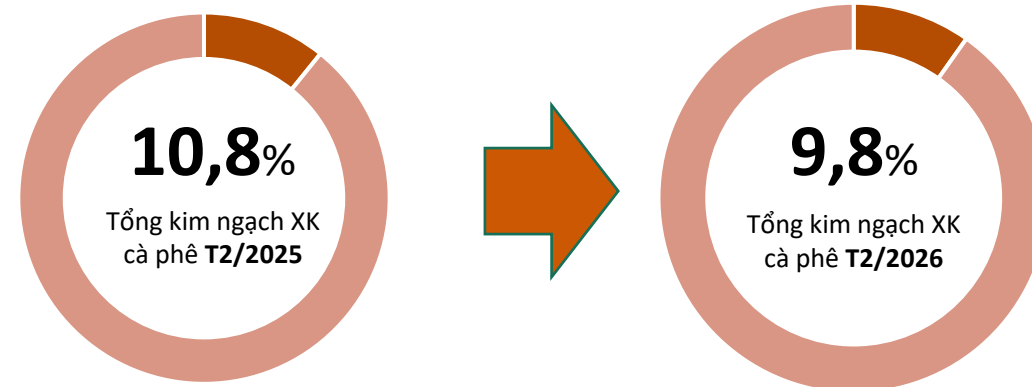
↘ Thấp hơn **3,4 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Khối lượng xuất khẩu 2 tháng năm 2026 đạt **24,2** nghìn tấn, đạt **15,9%** lượng năm 2025.

Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường ASEAN, T2/2026



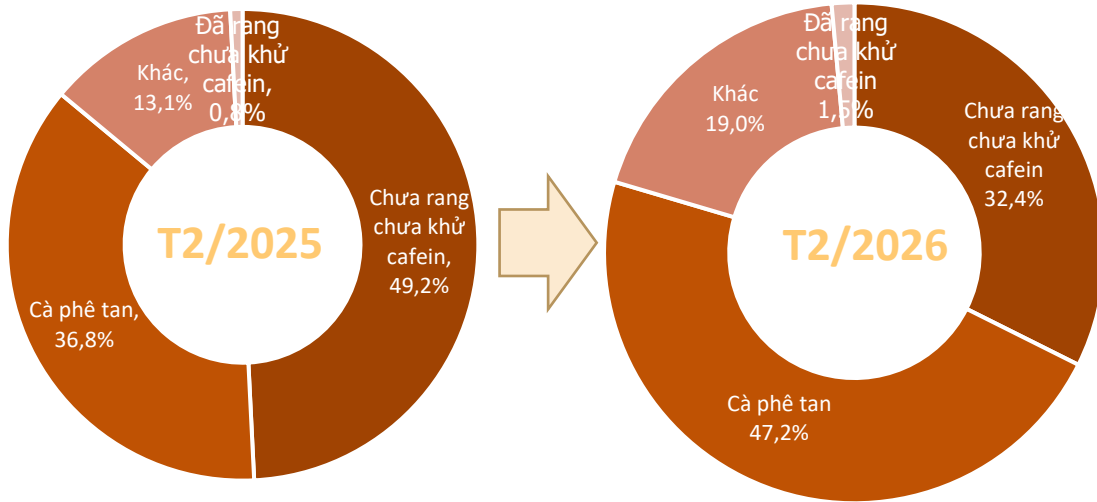
Biến động tỷ trọng giá trị cà phê XK sang thị trường ASEAN, T2/2026





CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T2/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường ASEAN, T2/2026



Chưa rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **19,9** Triệu USD
Giảm **38,3%** so với T1/2026
Giảm **58,8%** so với T2/2025



Cà phê tan

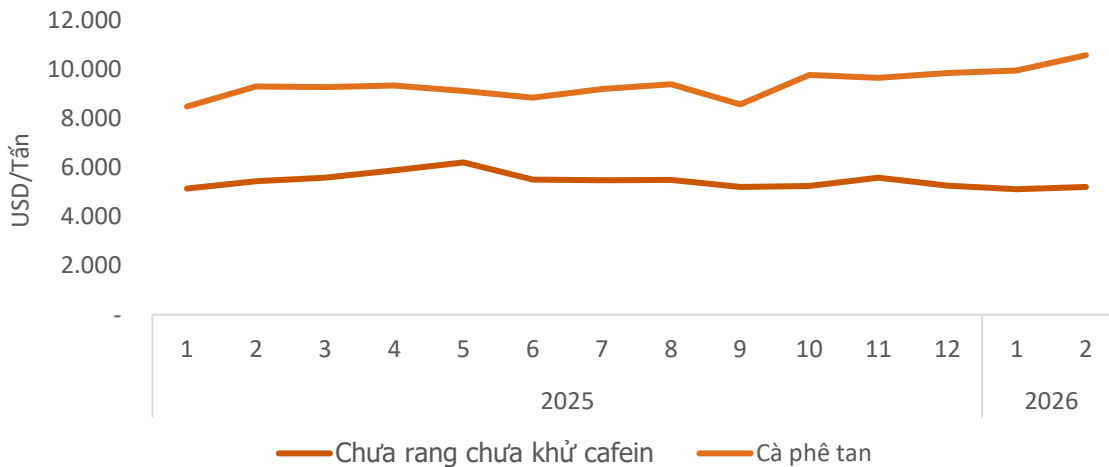
Kim ngạch: **28,9** Triệu USD
Giảm **6,4%** so với T1/2026
Giảm **19,2%** so với T2/2025



Cà phê khác

Kim ngạch: **11,6** Triệu USD
Giảm **25,4%** so với T1/2026
Giảm **9,1%** so với T2/2025

Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN, T2/2026



Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **10.571** USD/tấn, **tăng 6,3%** so với tháng trước, và **tăng 13,7%** so với cùng kỳ năm 2025.

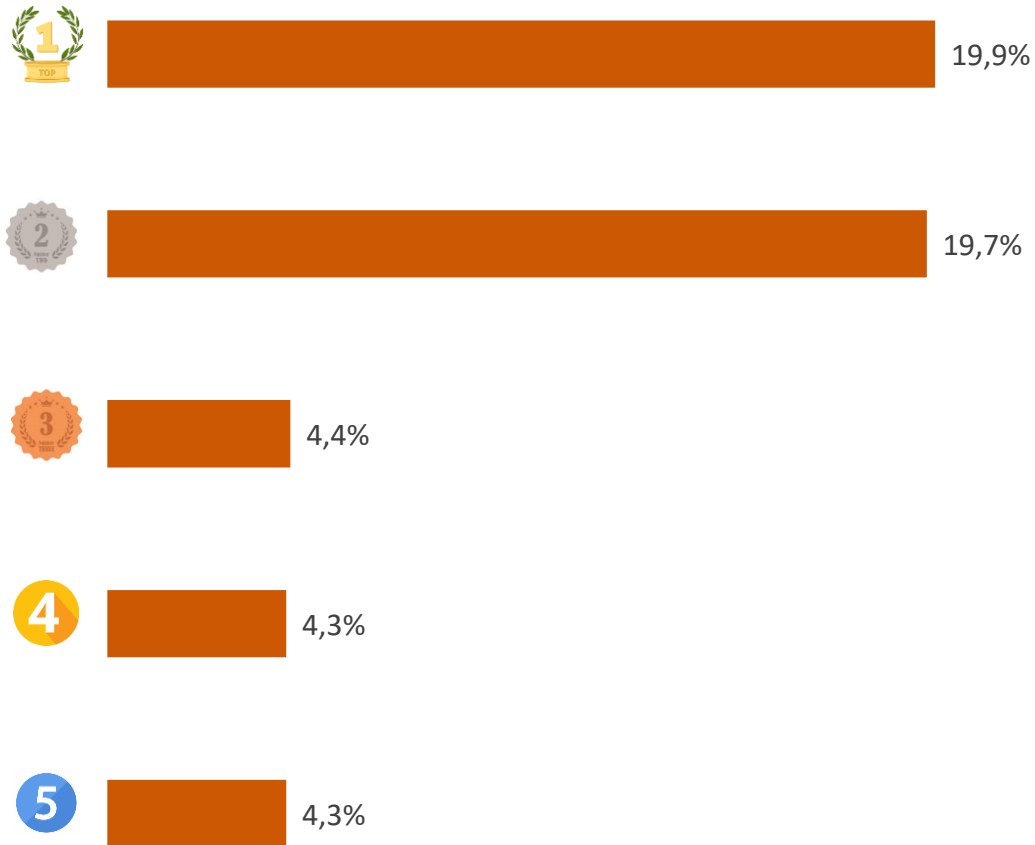
Cà phê chưa rang chưa khử cafein

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **5.203** USD/tấn; **tăng 1,8%** so với tháng trước, và **giảm 4,3%** so với cùng kỳ năm 2025.

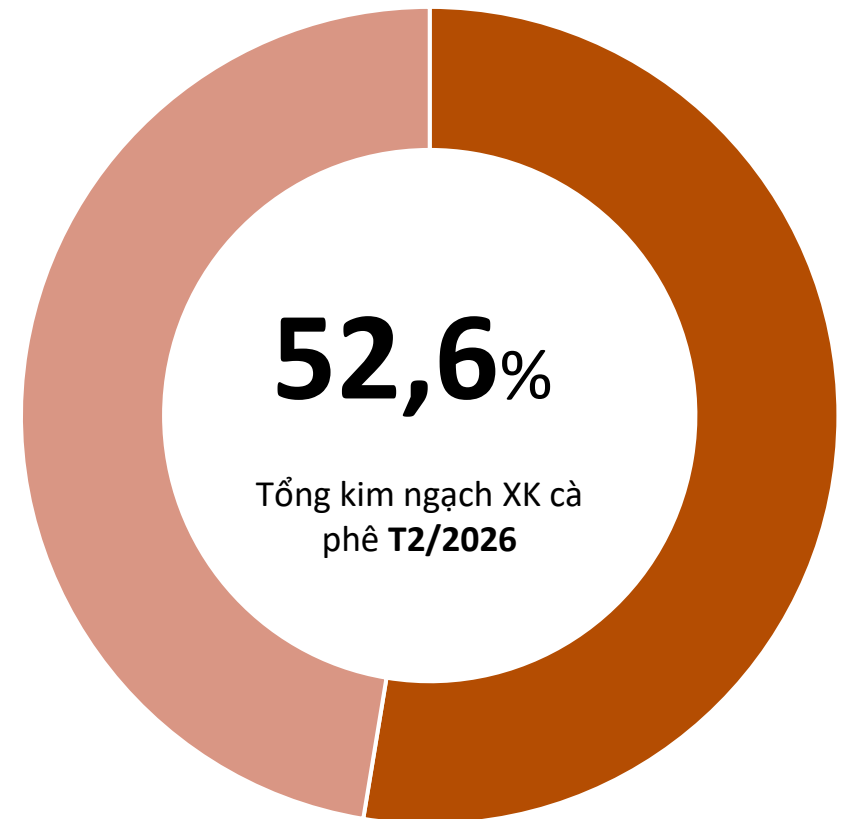


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường ASEAN, T2/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường ASEAN, T2/2026





Thị trường cà phê Robusta Indonesia ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng trong 10 tháng đầu niên vụ 2025/2026, với sản lượng xuất khẩu đạt 4,97 triệu bao, tăng 55,51% so với cùng kỳ. Riêng tháng 1/2026, kim ngạch từ đảo Sumatra duy trì đà tăng nhẹ 1,62%. Với dự báo tổng sản lượng niên vụ hiện tại đạt 12,60 triệu bao (Robusta chiếm 85%), nguồn cung đang ở mức dồi dào.

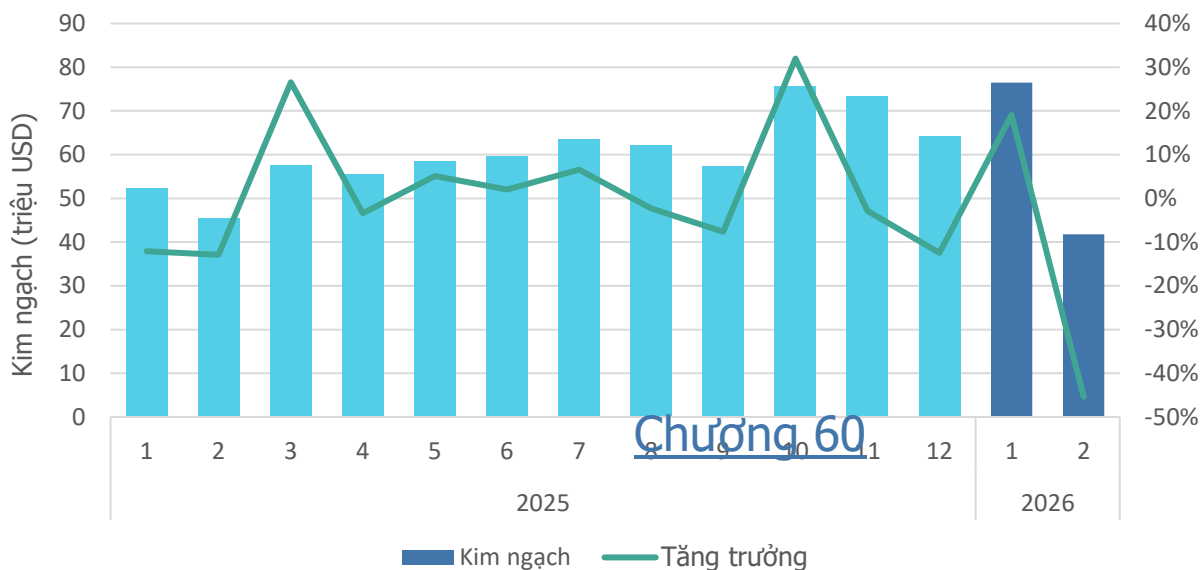
Tuy nhiên, niên vụ 2026/2027 với dự báo sụt giảm còn 11,50 triệu bao. Biến động cung cầu thời gian tới sẽ phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện thời tiết tại Sumatra và Aceh, đòi hỏi các doanh nghiệp cần theo dõi sát để điều chỉnh chiến lược kinh doanh.





THỦY SẢN

Giá trị Thủy sản xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T2/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN, T2/2026

KIM NGẠCH



↘ Giảm **45,4%** so với T1/2026

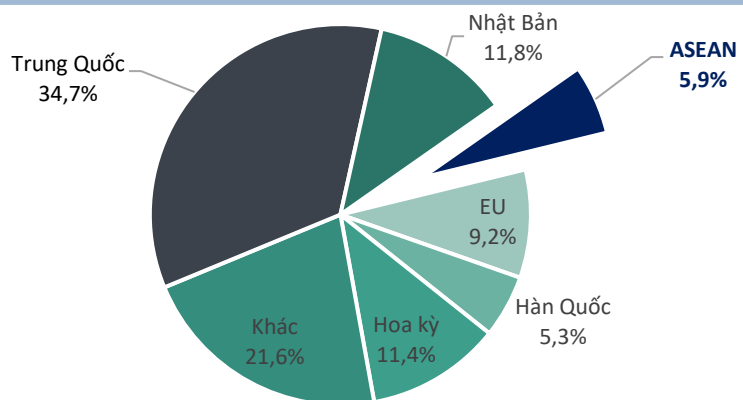
↘ Giảm **8,0%** so với T2/2025

▼ Thấp hơn **18,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

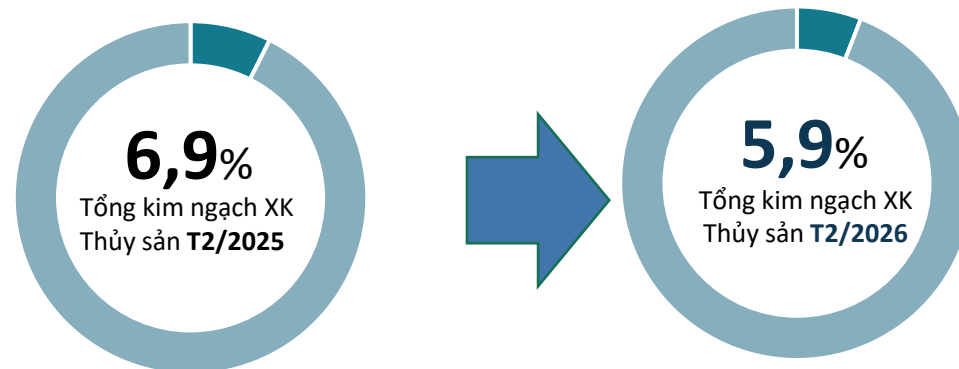
◇ Lũy kế 2 tháng 2026 đạt **118,3 triệu USD**, đạt **16,4%** kim ngạch 2025

41,8 triệu USD

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường ASEAN, T2/2026



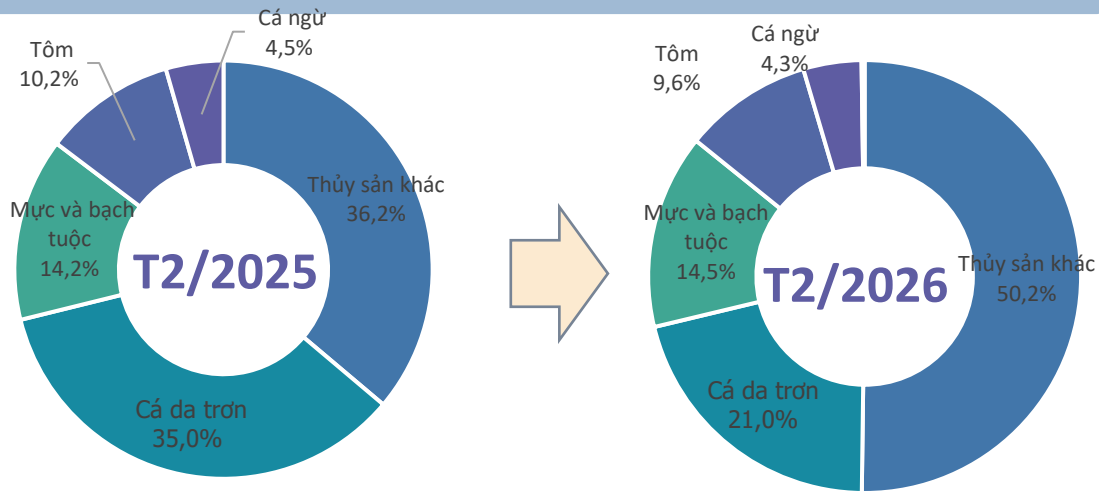
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản VN sang thị trường ASEAN, T2/2026





THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T2/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN, T2/2026



Cá da trơn

Kim ngạch: **11,1** Triệu USD
Giảm 31,0% so với T1/2026
Giảm 30,1% so với T2/2025



Mực và bạch tuộc

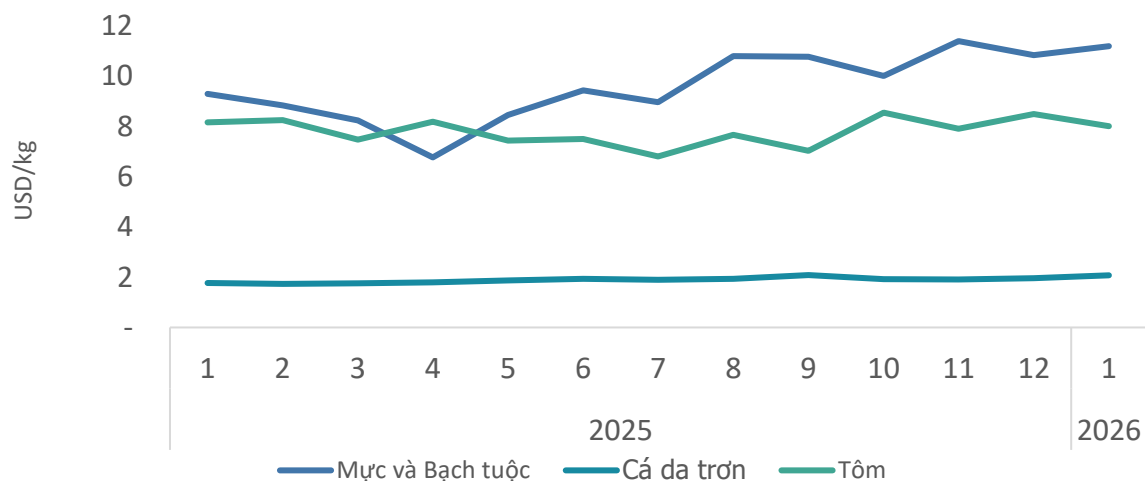
Kim ngạch: **6,2** Triệu USD
Giảm 44,1% so với T1/2026
Giảm 3,4% so với T2/2025



Tôm

Kim ngạch: **5,0** Triệu USD
Giảm 31,9% so với T1/2026
Tăng 7,7% so với T2/2025

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN, T2/2026



Mực và Bạch tuộc

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **11,2** USD/kg; **tăng 3,3%** so với tháng trước; và **tăng 20,4%** so với cùng kỳ năm 2025.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **2,1** USD/kg; **tăng 5,5%** so với tháng trước; và **tăng 17,3%** so với cùng kỳ năm 2025.

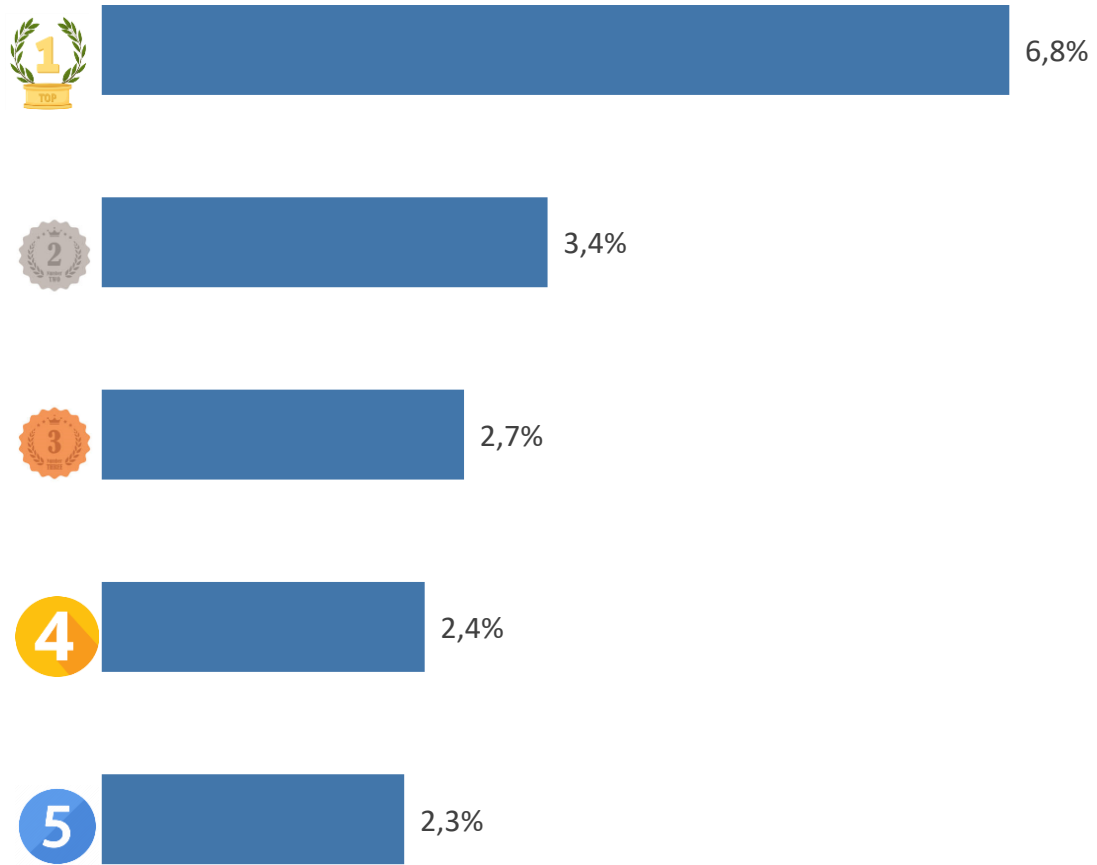
Tôm

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **8,0** USD/kg; **giảm 5,8%** so với tháng trước; và **giảm 1,9%** so với cùng kỳ năm 2025.

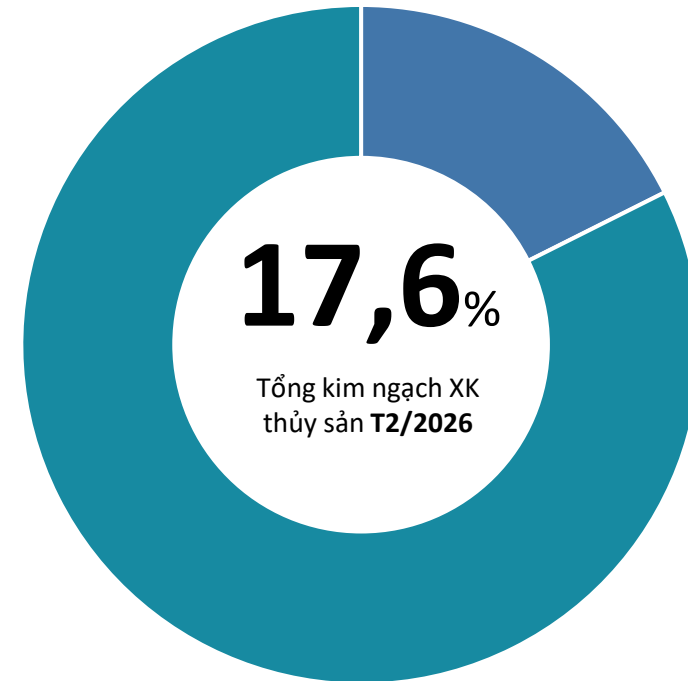


THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu, T2/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu, T2/2026



01

Xuất khẩu tôm của Indonesia tăng trưởng khá trong năm 2025

Ngành tôm Indonesia khép lại năm 2025 với tín hiệu phục hồi rõ nét vào tháng 12, sau giai đoạn biến động mạnh tại thị trường Hoa Kỳ trong quý IV. Cả năm, xuất khẩu tôm của nước này đạt 201.113 tấn, gần như tương đương năm 2024, nhưng kim ngạch vẫn tăng 11% lên khoảng 1,78 tỷ USD nhờ giá bán bình quân cải thiện và tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng tăng lên.

Hoa Kỳ vẫn là thị trường lớn nhất, chiếm 62% tổng khối lượng xuất khẩu tôm của Indonesia, dù cả năm giảm 8% xuống còn 125.588 tấn do ảnh hưởng từ sự cố “tôm nhiễm phóng xạ” khiến thương mại tạm thời đình trệ trong quý IV. Xuất khẩu sang EU tăng 41%, Trung Quốc tăng 27%, Nhật Bản tăng 6% và Canada tăng 34%.

Về cơ cấu mặt hàng, tôm chân trắng tiếp tục giữ vai trò chủ lực với 97.192 tấn, tăng nhẹ 2%, trong khi nhóm hàng chế biến như tôm nấu chín và tẩm ướp tăng 9%, trở thành động lực nổi bật cho tăng trưởng giá trị xuất khẩu của Indonesia trong năm qua.



Tin liên quan

Nguồn: Vasep



GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T2/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường ASEAN, T2/2026

KIM NGẠCH

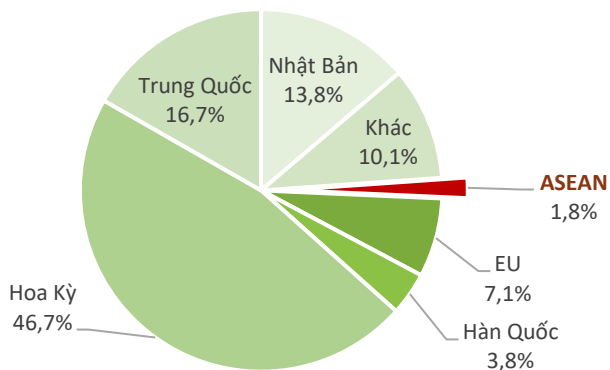


18

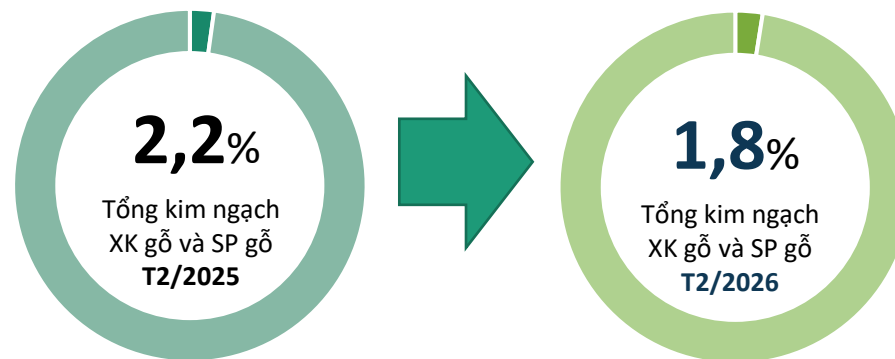
triệu USD

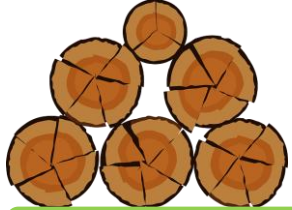
- ↘ Giảm **56,1%** so với T1/2026
- ↘ Giảm **22,6%** so với T2/2025
- ↘ Thấp hơn **13,5 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025
- ❖ Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026 đạt **57,8 triệu USD**, đạt **15,5%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường ASEAN, T2/2026



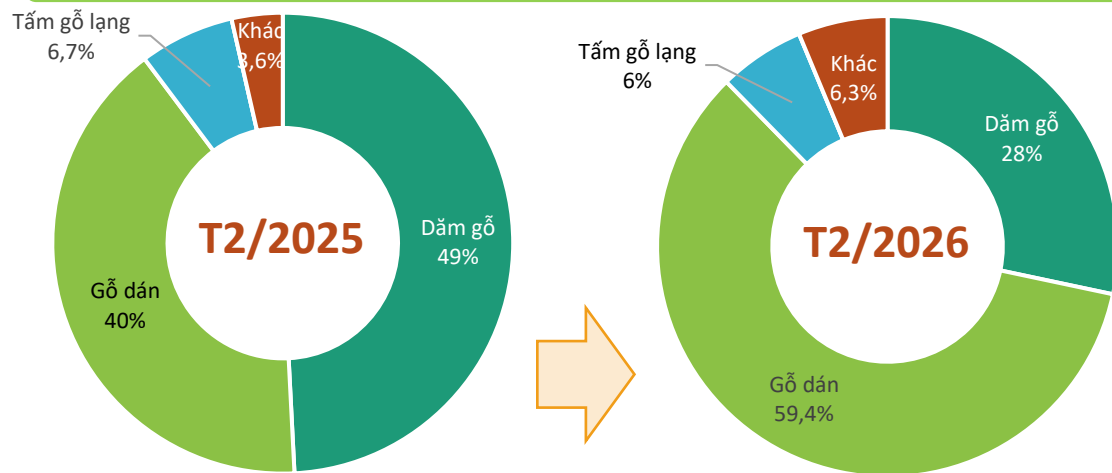
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường ASEAN, T2/2026





GỠ VÀ SP GỠ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường ASEAN, T2/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường ASEAN, T2/2026



Gỗ dán

Kim ngạch: **14,5** triệu USD
Giảm **51%** so với T1/2026
Giảm **19%** so với T2/2025



Dăm gỗ

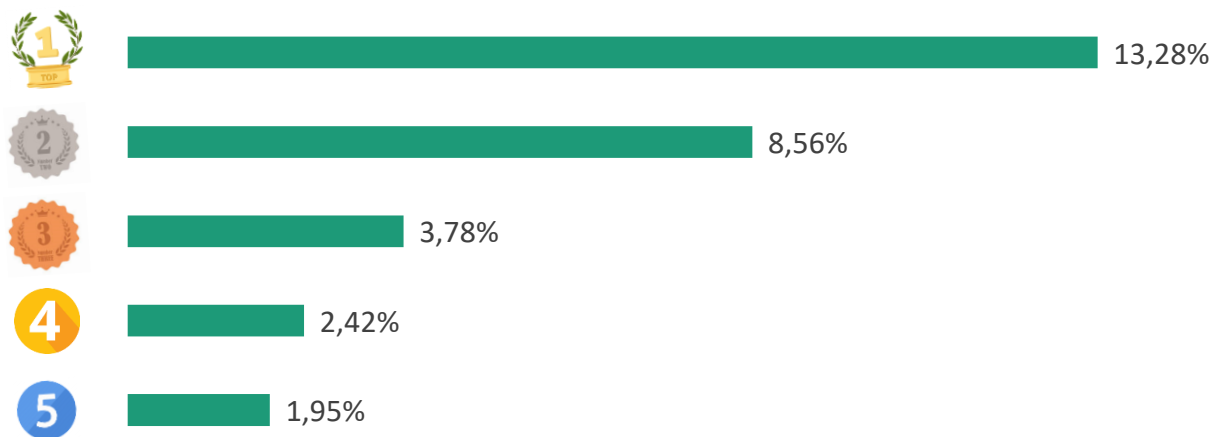
Kim ngạch: **6,9** triệu USD
Giảm **68%** so với T1/2026
Giảm **68%** so với T2/2025



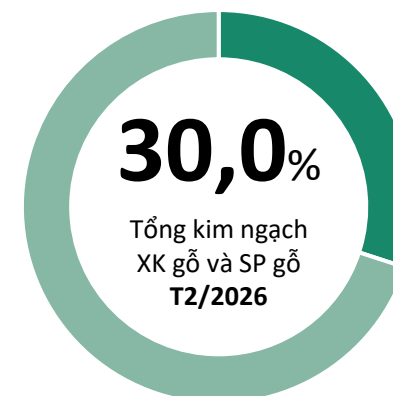
Tấm gỗ lạng

Kim ngạch: **1,5** triệu USD
Giảm **62%** so với T1/2026
Giảm **50%** so với T2/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường ASEAN, T2/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường ASEAN, T2/2026





GỖ VÀ SP GỖ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ ASEAN



Các công ty Indonesia đã ký 11 thỏa thuận trị giá 38,4 tỷ USD với Hoa Kỳ. Các thỏa thuận này bao gồm một biên bản ghi nhớ giữa Hiệp hội Đồ nội thất và Thủ công mỹ nghệ Indonesia (HIMKI) và Hội đồng Xuất khẩu Gỗ cứng Hoa Kỳ, tạo khuôn khổ cho hợp tác công nghiệp và mở rộng tiếp cận thị trường. Mặc dù vậy, ngành đồ nội thất vẫn chịu tác động tiêu cực từ thuế quan của Hoa Kỳ, buộc các doanh nghiệp phải tìm kiếm các thị trường thay thế.

Về đầu tư, một công ty đồ nội thất toàn cầu đang đầu tư xây dựng một nhà máy mới tại Đặc khu Kinh tế Kendal, Trung Java, với mục tiêu trở thành một trung tâm sản xuất đồ nội thất toàn cầu. Nhà máy này dự kiến sẽ đi vào hoạt động vào cuối tháng 3/2027 và tạo ra khoảng 9.000 việc làm. Về chính sách, chính phủ cũng đã khởi động Giai đoạn 5 của Chương trình Lâm nghiệp Đa bên (MFP) cùng với Vương quốc Anh để tăng cường lòng tin toàn cầu vào các sản phẩm từ rừng của Indonesia.



TIN LIÊN QUAN



GỖ VÀ SP GỖ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ ASEAN



Tại lễ khai mạc Hội chợ Nội thất quốc tế Malaysia (MIFF) 2026 ngày 4/3/2026, Bộ Trồng trọt và Hàng hóa Malaysia cho biết nước này đặt mục tiêu nâng tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ lên 32,8 tỷ RM (8,35 tỷ USD) vào năm 2030.

Hiện nay, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Malaysia đã đạt trên 20 tỷ RM/năm (5,09 tỷ USD), trong đó riêng đồ gỗ nội thất chiếm 43% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ. Cùng với đó, MIFF 2026 diễn ra từ ngày 4–7/3 tại Kuala Lumpur, quy tụ hơn 700 đơn vị trưng bày và khoảng 20.000 người mua từ 140 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Malaysia tiếp tục định vị ngành gỗ theo hướng xuất khẩu, chú trọng đồ gỗ giá trị gia tăng, mở rộng thị trường mới và gắn tăng trưởng với các tiêu chuẩn bền vững hơn trong sản xuất và thương mại.

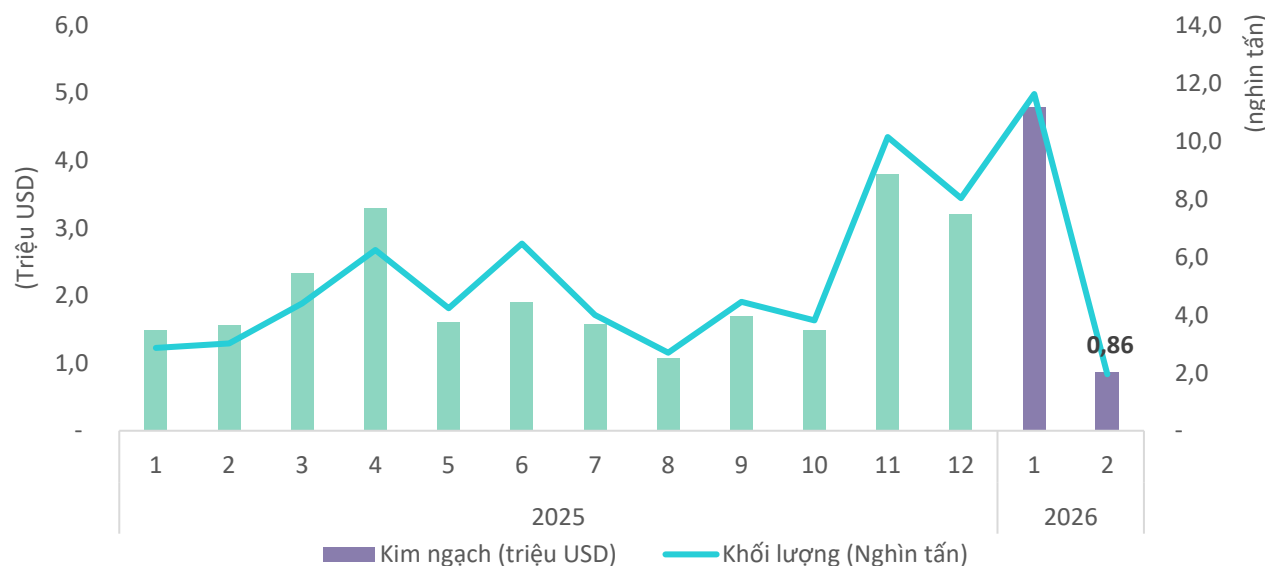


TIN LIÊN QUAN



SẴN VÀ SP TỪ SẴN

Khối lượng và giá trị sản và SP từ sản XK sang thị trường ASEAN, T02/2026



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T02/2026

KIM NGẠCH

0,86 triệu USD

↘ Giảm **82,0%** so với T01/2026

↘ Giảm **63,3%** so với T02/2025

↓ Thấp hơn **1,46 triệu USD** so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 02 tháng đầu năm 2026 đạt **5,66 tr.USD**, đạt **19,9%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

1,95 nghìn tấn

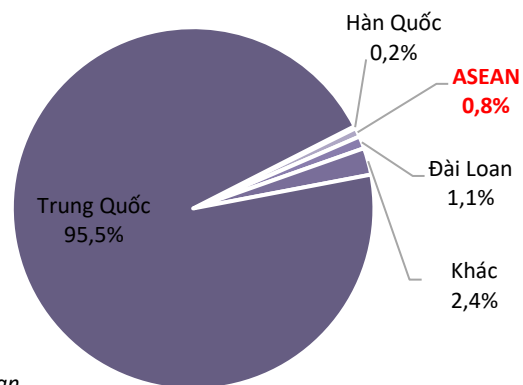
↘ Giảm **83,2%** so với T01/2026

↘ Giảm **67,2%** so với T02/2025

↓ Thấp hơn **4,17 nghìn tấn** so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 02 tháng đầu năm 2026 đạt **13,6 nghìn tấn**, đạt **24%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T02/2026



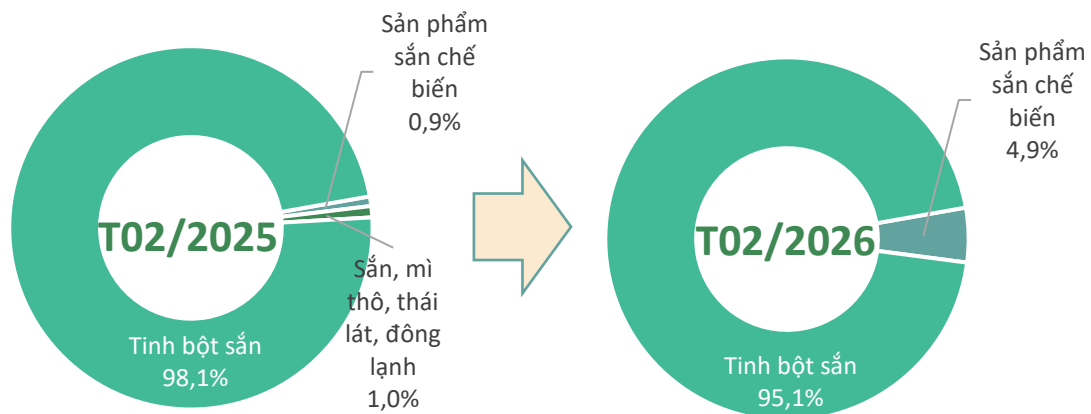
Biến động tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T02/2026





SẴN VÀ SP TỪ SẴN

Cơ cấu chủng loại sắn và SP từ sắn XK sang thị trường ASEAN, T02/2026



Kết quả XK sắn và SP từ sắn sang thị trường ASEAN, T02/2026



Sản phẩm sắn chế biến

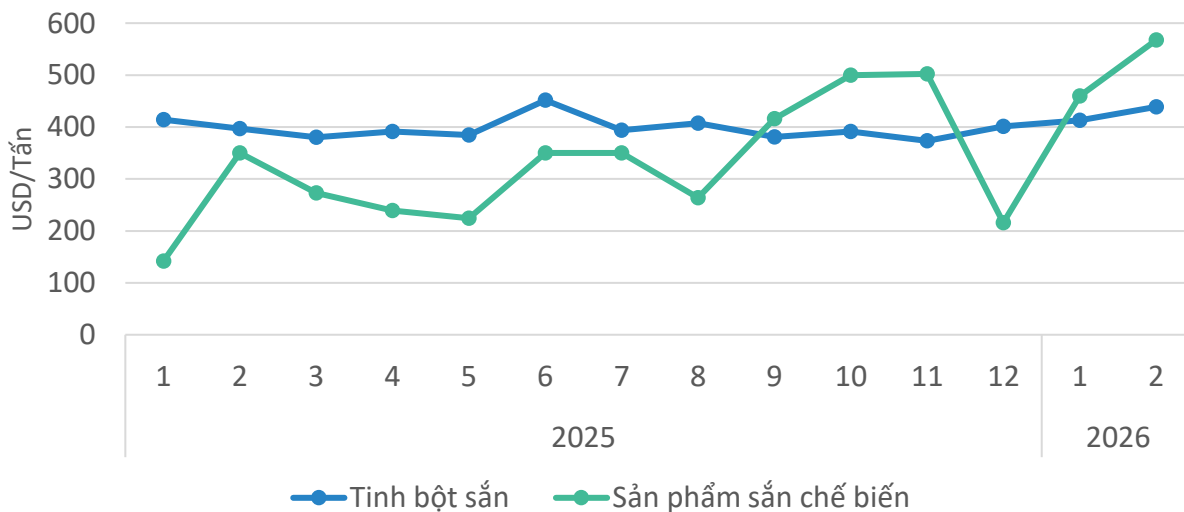
Kim ngạch: **4,19** nghìn USD
 Tăng **77,2%** so với T01/2026
 Tăng **108%** so với T02/2025



Tinh bột sắn

Kim ngạch: **0,82** triệu USD
 Giảm **82,7%** so với T01/2026
 Giảm **64,4%** so với T02/2025

Giá sắn và SP từ sắn XK bình quân sang thị trường ASEAN, T02/2026



Tinh bột sắn

Giá xuất khẩu bình quân trong T02/2026 ở mức **439** USD/tấn; **tăng 62,1%** so với tháng trước; và **tăng 10,5%** so với cùng kỳ năm 2025.

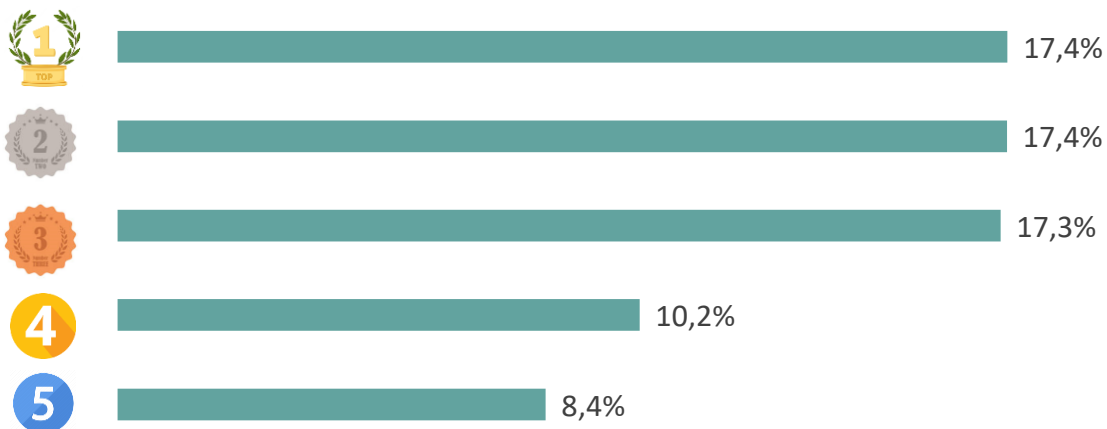
Sản phẩm sắn chế biến

Giá xuất khẩu bình quân trong T02/2026 ở mức **567** USD/tấn; **tăng 23,3%** so với tháng trước; và **tăng 6,3%** so với cùng kỳ năm 2025.

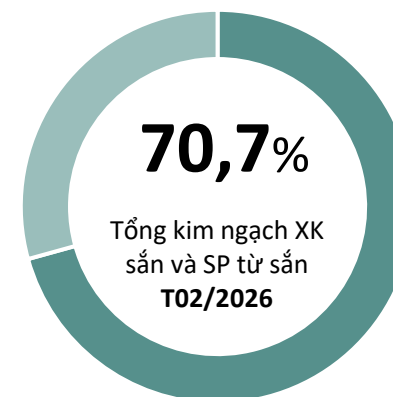


SẴN VÀ SP TỪ SẴN

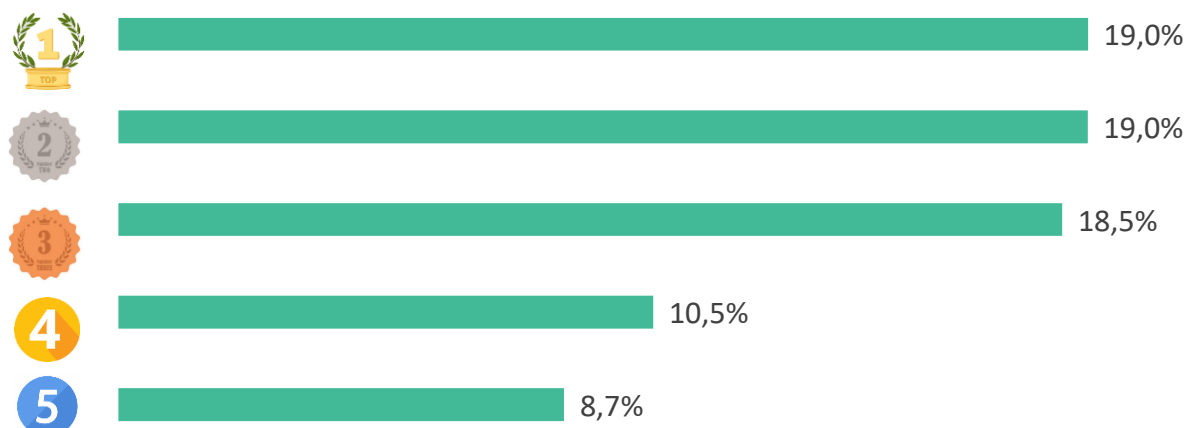
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T02/2026



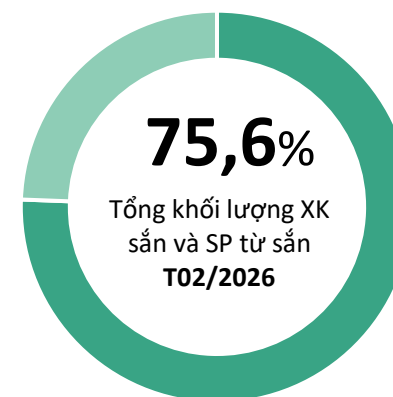
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T02/2026



TOP 5 DN về khối lượng XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T02/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T02/2026



SẮN VÀ SP TỪ SẮN

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG SẮN VÀ SP TỪ SẮN ASEAN



Đông Nam Á: Đẩy mạnh ethanol từ nông sản, đặc biệt là sắn, phục vụ chuyển đổi năng lượng



Các quốc gia Đông Nam Á đang gia tăng mạnh mẽ việc phát triển nhiên liệu sinh học, trong đó ethanol từ sắn, mía và ngô nhằm chuyển đổi năng lượng, giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và tăng cường an ninh năng lượng. Tại **Indonesia**, Chính phủ định hướng ethanol không chỉ là nhiên liệu bổ sung mà có thể trở thành nhiên liệu thay thế chính cho xăng trong dài hạn. Lộ trình trước mắt là triển khai xăng E20, đồng thời mở rộng nguồn nguyên liệu trong nước gắn với chiến lược phát triển công nghiệp chế biến sâu nông nghiệp và mục tiêu tự chủ năng lượng trong 10 năm tới.

Tại **Thái Lan**, Chính phủ tăng cường sử dụng xăng sinh học E20 và hạn chế nhập khẩu nhiên liệu hóa thạch. Ethanol được xác định là giải pháp kép, vừa đảm bảo an ninh năng lượng, vừa thúc đẩy tiêu thụ nông sản, đặc biệt là sắn và mía. Với công suất sản xuất ethanol khoảng 6,92 triệu lít/ngày và dư địa tăng thêm 50-60%, Thái Lan có nền tảng công nghiệp vững để mở rộng thị trường nhiên liệu sinh học.

Tại **Việt Nam**, nhiên liệu sinh học (E5, E10) được xác định là công cụ quan trọng để thực hiện cam kết phát thải ròng bằng “0” và giảm phụ thuộc vào nhập khẩu xăng dầu. Ethanol sản xuất từ sắn và ngô không chỉ giúp giảm phát thải mà còn tạo đầu ra ổn định cho nông sản, góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ. Việc mở rộng sản xuất ethanol được kỳ vọng sẽ giải quyết tình trạng dư thừa sắn, ổn định giá và nâng cao thu nhập cho nông dân.



TIN LIÊN QUAN



Hoa Kỳ miễn thuế tinh bột sắn Thái Lan 150 ngày

Cục Ngoại thương Thái Lan khuyến cáo các doanh nghiệp sản xuất tinh bột sắn thô (HS 110814) nhanh chóng tận dụng cơ hội, đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, sau khi nước này quyết định miễn thuế nhập khẩu đối với mặt hàng trên trong thời gian 150 ngày (từ 24/2 đến 24/7/2026). Chính sách này được xem là “cửa sổ cơ hội” quan trọng, tạo điều kiện để ngành tinh bột sắn Thái Lan tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị phần và củng cố năng lực cạnh tranh tại thị trường Hoa Kỳ trong dài hạn.

Thái Lan siết chặt kiểm soát nhập khẩu sắn lát kém chất lượng từ Lào

Cục Ngoại thương Thái Lan đã triển khai 4 đoàn kiểm tra tại khu vực biên giới Thái Lan - Lào nhằm tăng cường kiểm soát chất lượng sắn lát nhập khẩu. Từ tháng 12/2025 đến nay, cơ quan này đã phát hiện 21 trường hợp nhập khẩu sắn lát kém chất lượng và tiến hành đình chỉ hoạt động nhập khẩu đối với các doanh nghiệp vi phạm. Cục Ngoại thương cũng kêu gọi người dân cung cấp thông tin về các trường hợp nhập khẩu sắn lát kém chất lượng thông qua đường dây nóng, nhằm tăng cường kiểm soát thị trường và bảo vệ ngành sản xuất trong nước.

Nguồn: prachachat.net





Trung Quốc đang gia tăng mạnh thu mua sản từ Campuchia

Năm 2025, Công ty TNHH Năng lượng Sinh học COFCO (Trung Quốc) đã ký kết thỏa thuận thu mua 200.000 tấn sản khô của Campuchia cho giai đoạn 2025-2026, đồng thời thực hiện lô hàng đầu tiên 5.000 tấn thông qua cảng Bắc Hải (Quảng Tây) vào ngày 14/3/2026.

Sang năm 2026, xu hướng gia tăng thu mua tiếp tục được đẩy mạnh khi Công ty Guangxi State Farms Mingyang Starch Development mở rộng đơn hàng, nâng tổng lượng đặt mua từ Campuchia lên khoảng 1 triệu tấn nhằm phục vụ chuỗi sản xuất. Đáng chú ý, bên cạnh hoạt động nhập khẩu nguyên liệu, doanh nghiệp này còn xem xét đầu tư nhà máy chế biến sâu tại Campuchia và thúc đẩy chuyển giao công nghệ sản xuất cho nông dân địa phương.

Nguồn: kampucheathmey.com

Xuất khẩu sản Campuchia tăng gần gấp đôi sau 5 năm, vượt 700 triệu USD

Xuất khẩu sản của Campuchia tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 2020-2025, với quy mô gần như gấp đôi sau 5 năm. Năm 2025, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm sản (sản tươi, sản khô và tinh bột sản) đạt trên 700 triệu USD, khẳng định vai trò là một trong những mặt hàng nông sản chủ lực của quốc gia này. Cùng với đó, ngành sản duy trì đà phát triển ổn định khi diện tích trồng tăng từ 663.929 ha lên 774.843 ha, sản lượng tăng từ 12,68 triệu tấn lên 15,95 triệu tấn. Hệ thống chế biến cũng từng bước được mở rộng với 16 nhà máy và hơn 20 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu.

Dự báo đến năm 2030, xuất khẩu sản của Campuchia có thể đạt 1,2 tỷ USD, trong khi tinh bột sản ước đạt khoảng 26 triệu USD.

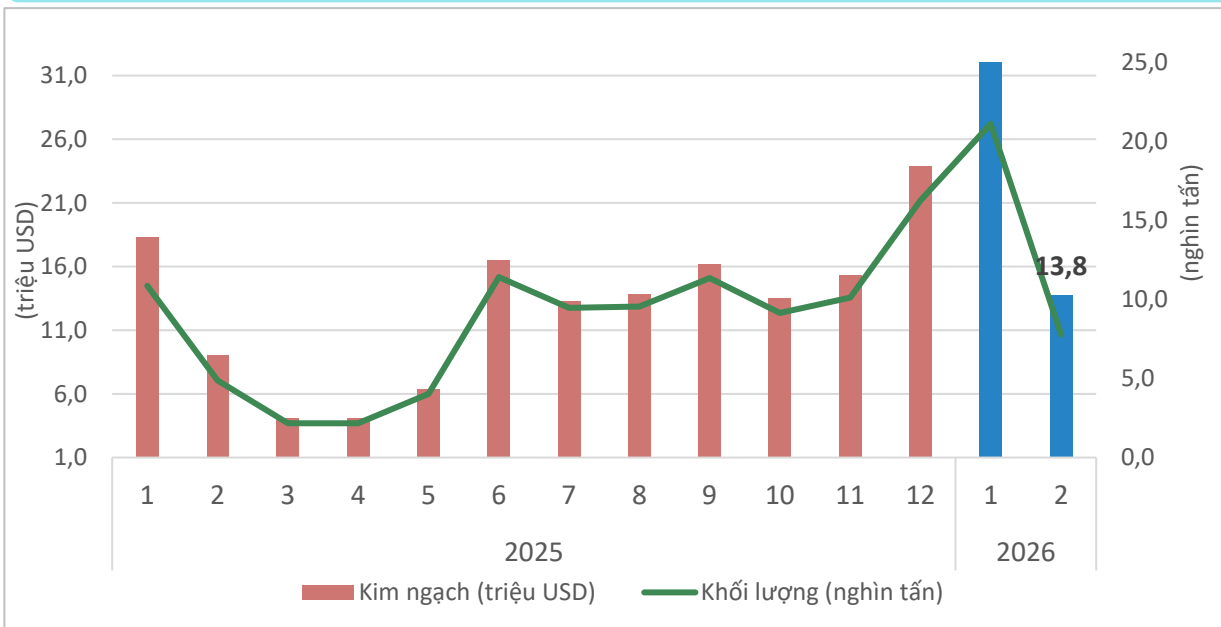
Nguồn: postkhmer.com



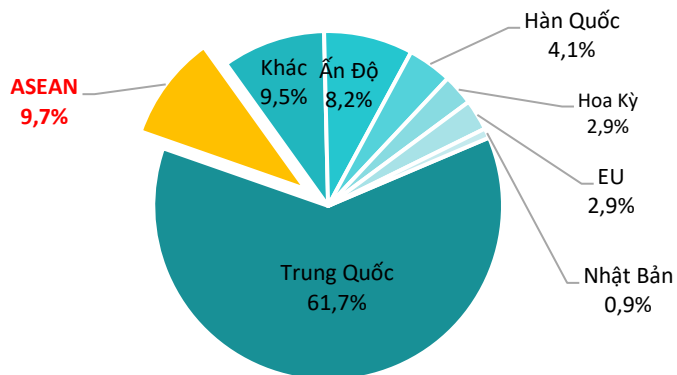


CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T02/2026



Tỷ trọng giá trị xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường ASEAN, T02/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường ASEAN, T02/2026

KIM NGẠCH
13,8 triệu USD

↘ Giảm **57,2%** so với T01/2026

↗ Tăng **12,2%** so với T02/2025

↑ Cao hơn **0,2** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025

◇ Lũy kế 02 tháng đầu năm 2026 đạt **45,9** tr.USD, đạt **28,2%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG
7,8 nghìn tấn

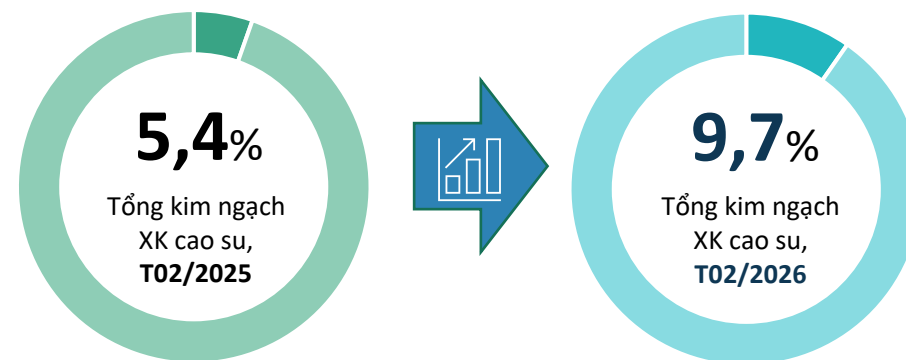
↘ Giảm **63,1%** so với T01/2026

↗ Tăng **22,2%** so với T02/2025

↓ Thấp hơn **1,0** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2025

◇ Lũy kế 02 tháng đầu năm 2026 đạt **29,0** nghìn tấn, đạt **27,4%** khối lượng năm 2025

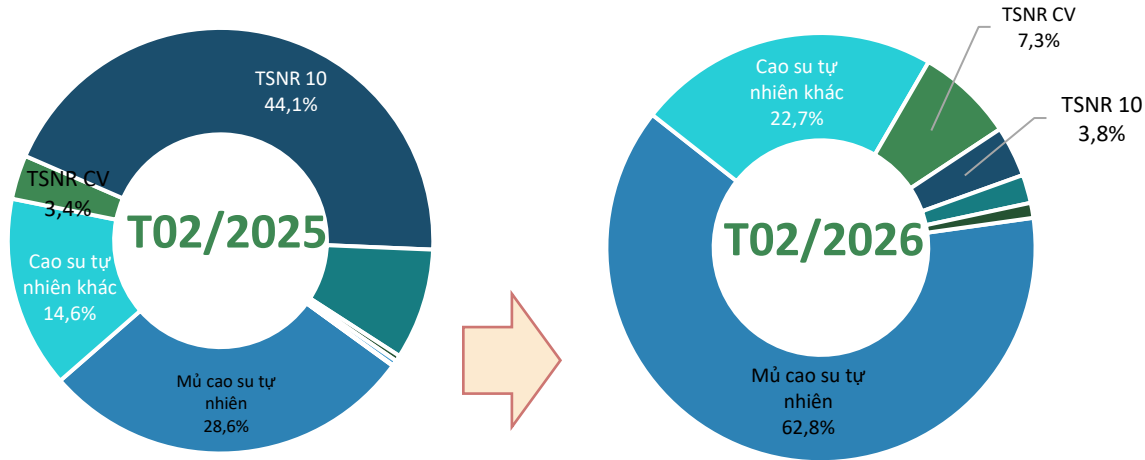
Biến động tỷ trọng giá trị XK cao su của VN sang thị trường ASEAN, T02/2026





CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su tự nhiên XK sang thị trường ASEAN, T02/2026



Kết quả xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường ASEAN, T02/2026



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **3,13** triệu USD
 Tăng **105%** so với T01/2026
 Tăng **75%** so với T02/2025



TSNR 10

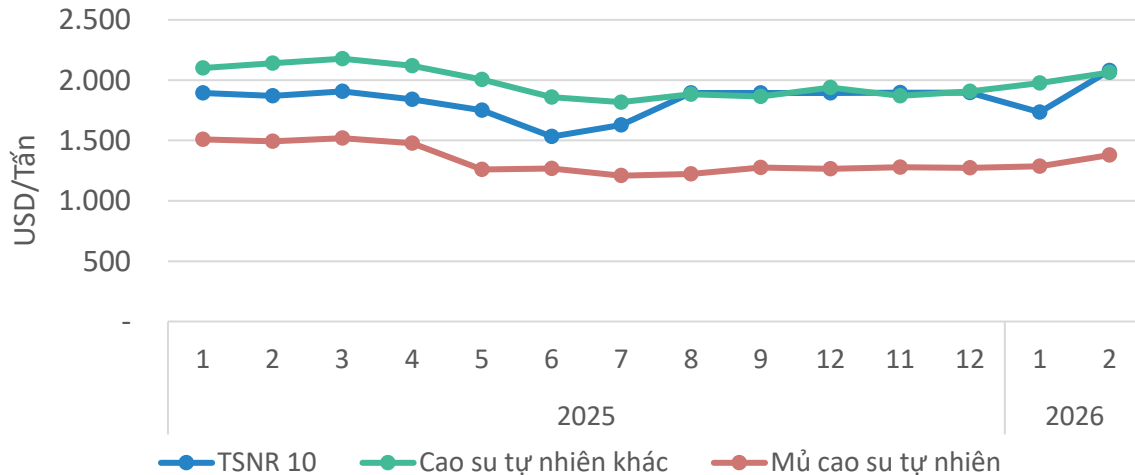
Kim ngạch: **0,53** triệu USD
 Giảm **34%** so với T01/2026
 Giảm **90%** so với T02/2025



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **8,66** triệu USD
 Giảm **70%** so với T01/2026
 Tăng **147%** so với T02/2025

Giá xuất khẩu bình quân cao su tự nhiên sang thị trường ASEAN, T02/2026



Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T02/2026 ở mức **2.063** USD/tấn; tăng **4,5%** so với tháng trước; và giảm **3,6%** so với cùng kỳ năm 2025.

TSNR 10

Giá xuất khẩu bình quân trong T02/2026 ở mức **2.080** USD/tấn; tăng **20,0%** so với tháng trước; và tăng **11,3%** so với cùng kỳ năm 2025.

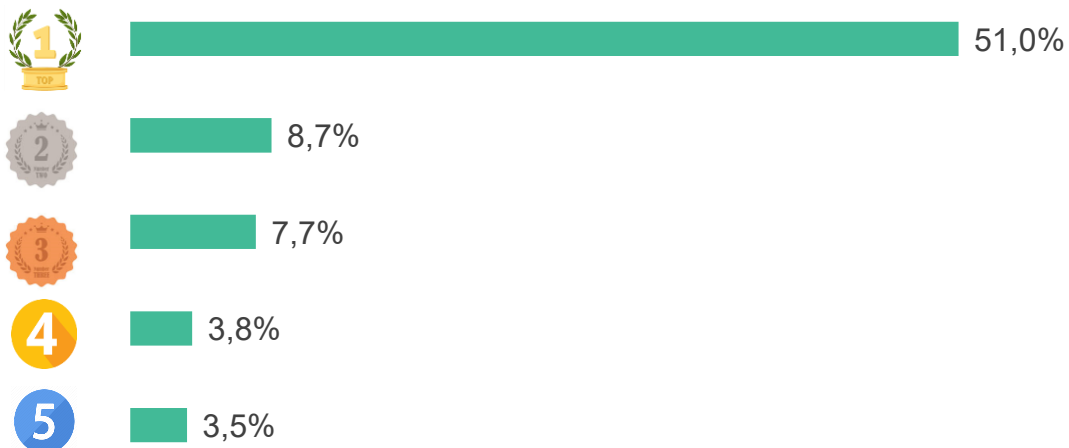
Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T02/2026 ở mức **1.379** USD/tấn; tăng **7,0%** so với tháng trước; và giảm **7,6%** so với cùng kỳ năm 2025.

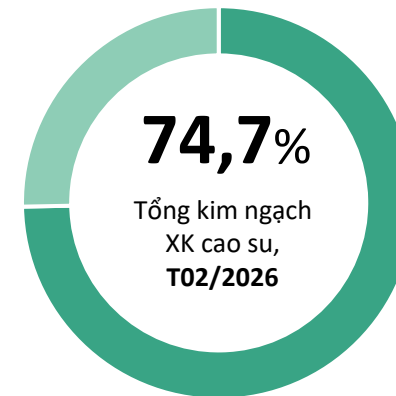


CAO SU

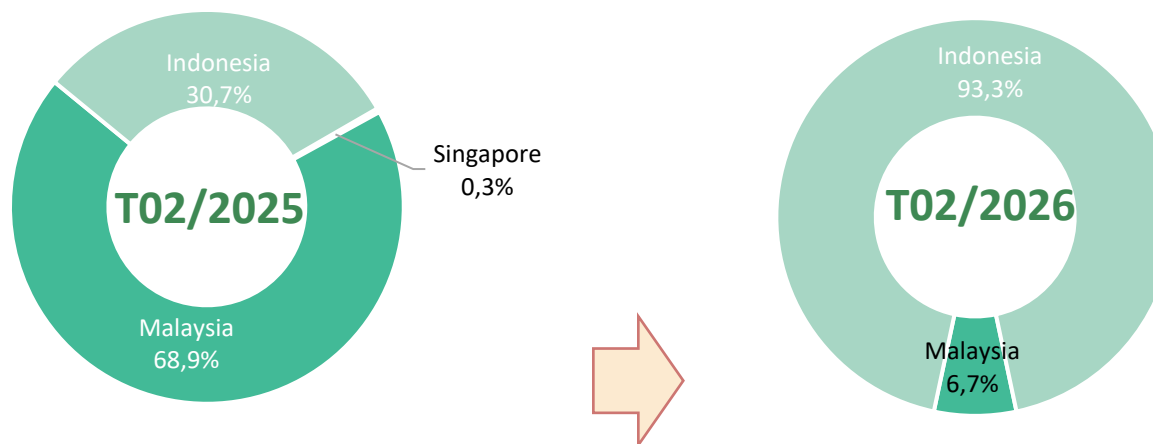
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK cao su sang ASEAN, T02/2026



Tỷ trọng về KN của TOP 5 DN XK cao su sang ASEAN, T02/2026



Biến động tỷ trọng xuất khẩu cao su của Việt Nam sang một số nước trong khối ASEAN, T02/2026



❖ Xuất khẩu cao su Indonesia và Thái Lan giảm trong 2 tháng đầu năm 2026

Trong hai tháng đầu năm 2026, xuất khẩu cao su của Indonesia giảm 26% xuống còn 210.000 tấn so với cùng kỳ. Tính chung cả cao su tự nhiên và cao su hỗn hợp, tổng xuất khẩu đạt 239.000 tấn, giảm 19%.

Tương tự, Thái Lan là quốc gia xuất khẩu cao su lớn nhất thế giới, cũng ghi nhận xu hướng giảm. Trong 2 tháng đầu năm, xuất khẩu cao su tự nhiên đạt khoảng 450.000 tấn, giảm 15%. Tổng xuất khẩu (bao gồm cả cao su hỗn hợp) đạt 747.000 tấn, giảm 7,4%, trong khi xuất khẩu sang Trung Quốc giảm 6%, dù mặt hàng cao su hỗn hợp vẫn duy trì mức tăng nhẹ.

Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc nguồn cung cao su toàn cầu bước vào giai đoạn thấp điểm từ tháng 2 đến tháng 5, khi cây cao su thay lá khiến hoạt động khai thác mủ tạm ngưng, qua đó làm giảm sản lượng và xuất khẩu trong ngắn hạn



❖ Sản xuất cao su tự nhiên 2025: Indonesia giảm nhẹ, Thái Lan tăng trưởng ổn định

Sản lượng cao su tự nhiên của **Indonesia** năm 2025 đạt khoảng 2,12 triệu tấn, giảm nhẹ 0,7% so với năm 2024. Diện tích trồng cao su đạt 3,14 triệu ha, giảm 0,3% so với cùng kỳ; trong khi diện tích khai thác đạt 2,22 triệu ha, giảm 0,9%. Diễn biến này cho thấy xu hướng thu hẹp nhẹ về quy mô sản xuất tại quốc gia sản xuất lớn thứ hai thế giới.

Thái Lan là quốc gia sản xuất cao su tự nhiên lớn nhất toàn cầu, ghi nhận sản lượng năm 2025 đạt khoảng 4,84 triệu tấn, tăng 0,6% so với năm trước. Dù diện tích khai thác giảm nhẹ 0,1%, năng suất bình quân tăng thêm khoảng 0,5 kg/rai (khoảng 3,125 kg/ha), góp phần duy trì đà tăng trưởng sản lượng.

Nguồn: fxbaogao.com

❖ Giá cao su Thái Lan tăng mạnh trong quý I/2026

Giá cao su tại Thái Lan trong quý I/2026 ghi nhận xu hướng tăng rõ rệt, chủ yếu do nguồn cung sụt giảm theo mùa kết hợp với các biện pháp điều tiết thị trường, trong khi nhu cầu tiêu thụ toàn cầu vẫn duy trì ổn định. Hiện nhu cầu cao su thế giới ước khoảng 22 triệu tấn mỗi năm, trong đó cao su tự nhiên chiếm khoảng 13 triệu tấn.

Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), thị trường cao su năm 2026 được dự báo tiếp tục khả quan khi tình trạng cầu vượt cung kéo dài sang năm thứ 6 liên tiếp. Nhu cầu toàn cầu dự kiến đạt khoảng 15,6 triệu tấn (tăng 1,7%), trong khi sản lượng chỉ khoảng 15,2 triệu tấn, thấp hơn mức tiêu thụ. Trong bối cảnh đó, Thái Lan vẫn giữ vững vị thế là quốc gia sản xuất cao su tự nhiên lớn nhất thế giới.

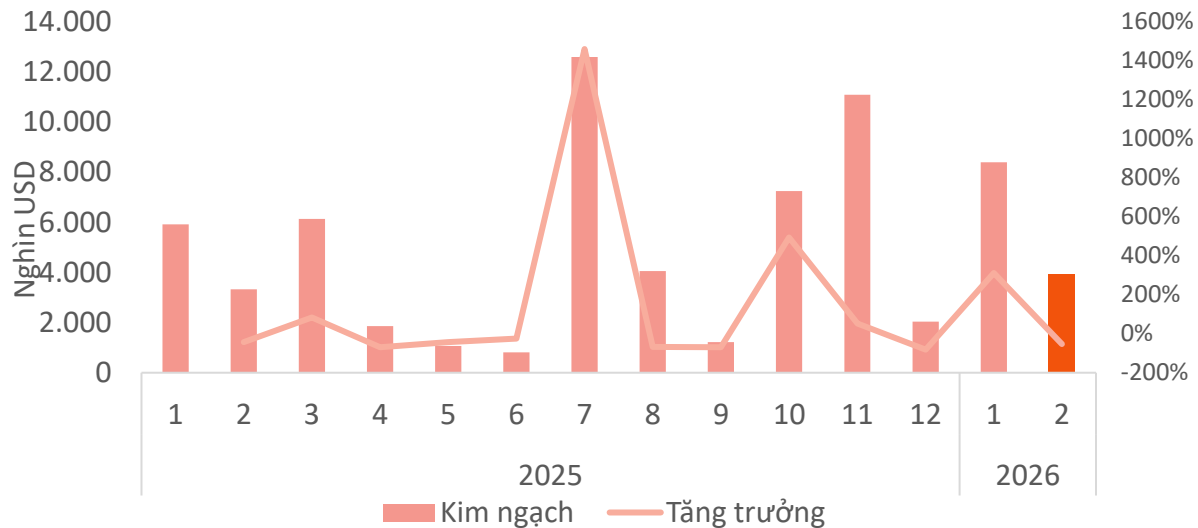
Nguồn: matichon.co.th





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Asean T2/2026



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Asean T2/2026

KIM NGẠCH



3,91

Triệu USD

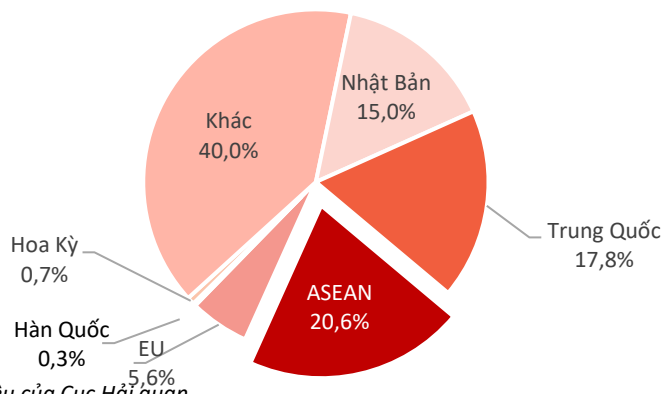
Giảm **53%** so với T1/2026

Tăng **17%** so với T2/2025

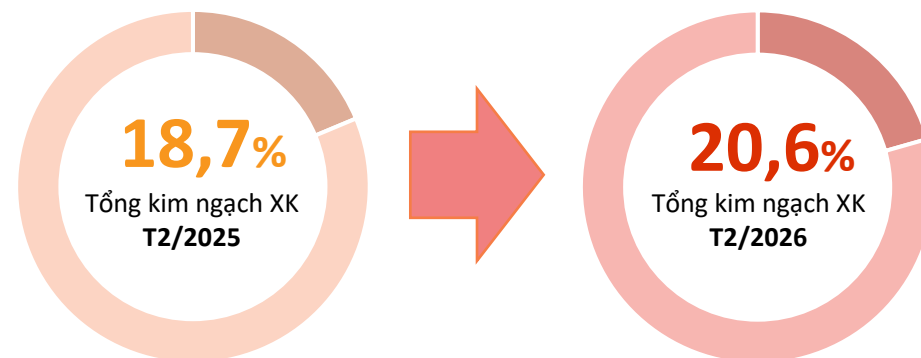
Thấp hơn **868,5 nghìn USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

2 tháng đầu năm 2026 đạt **12,3 triệu USD**, đạt **21,46%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam từ thị trường Asean T2/2026



Biến động tỷ trọng giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam từ thị trường Asean T2/2026

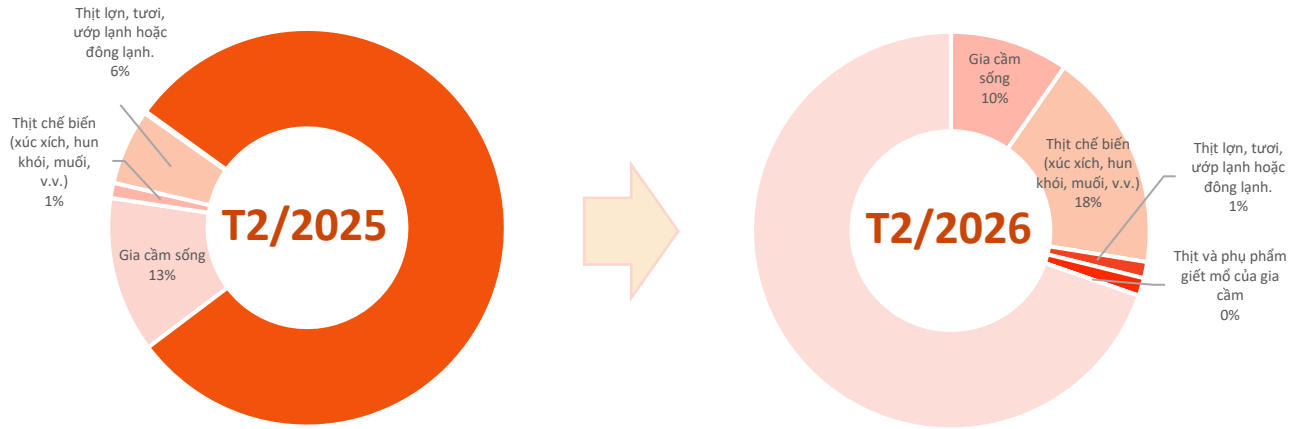


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan



THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt xuất khẩu sang thị trường Asean T2/2026



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Asean T2/2026



Trâu bò sống

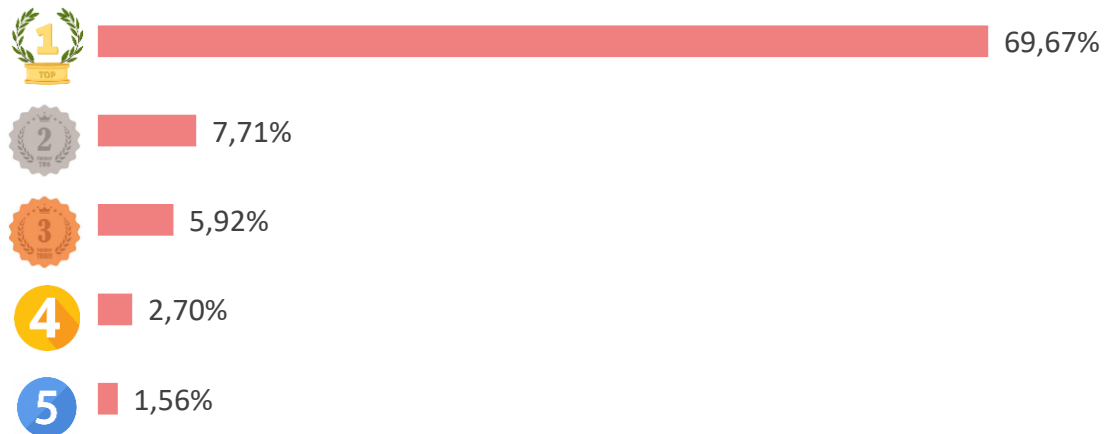
Kim ngạch: **2,73** triệu USD
 Giảm **56,4%** so với T1/2026
 Tăng **2,6%** so với T2/2025



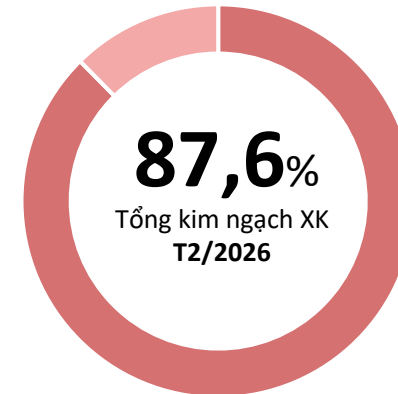
Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối,...)

Kim ngạch: **699,7** nghìn USD
 Giảm **16,6%** so với T1/2026
 Tăng **16,9 lần** so với T2/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất sang thị trường Asean T2/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Asean T2/2026

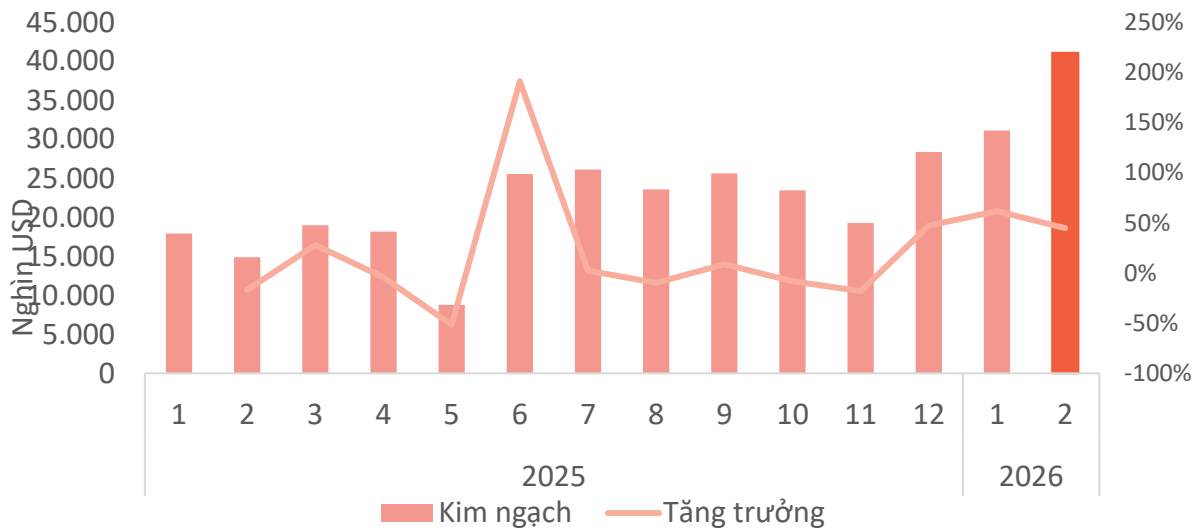


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan



THỊT VÀ SP TỪ THỊT (NK)

Giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Asean T2/2026



Kết quả nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Asean T2/2026

KIM NGẠCH



41,1
Triệu USD

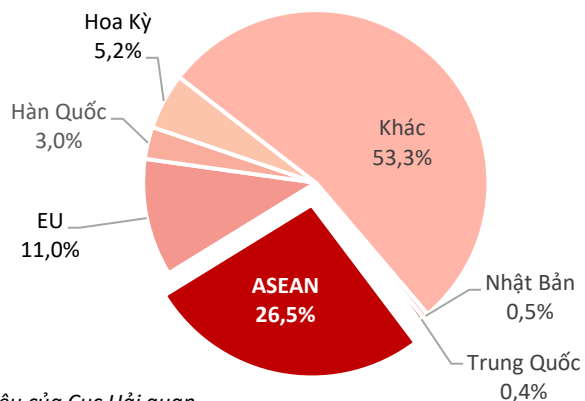
Tăng **32%** so với T1/2026

Tăng **176%** so với T2/2025

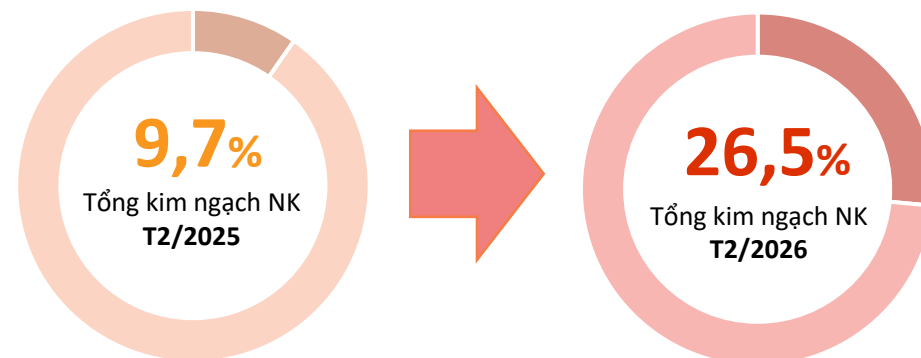
Cao hơn **20,3 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

2 tháng đầu năm 2026 đạt **72,2 triệu USD**, đạt **12,4%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam từ thị trường Asean T2/2026



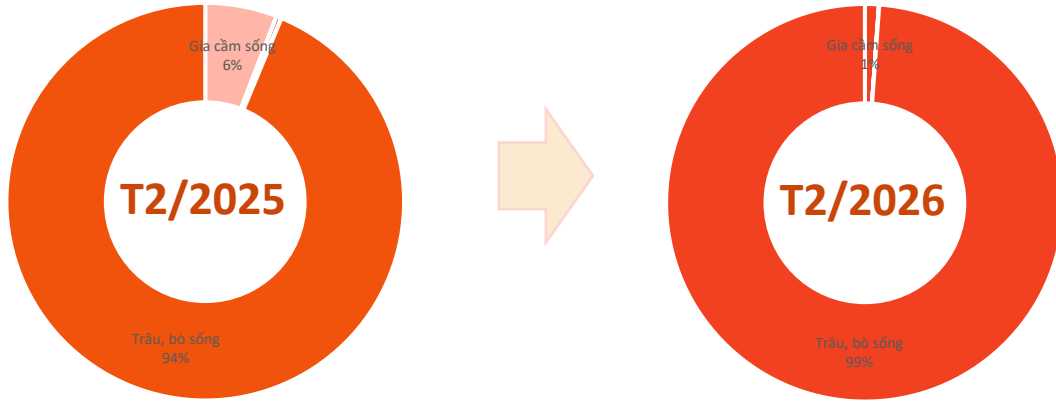
Biến động tỷ trọng giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam từ thị trường Asean T2/2026





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (NK)

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt nhập khẩu từ thị trường Asean T2/2026



Kết quả nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Asean T2/2026



Trâu bò sống

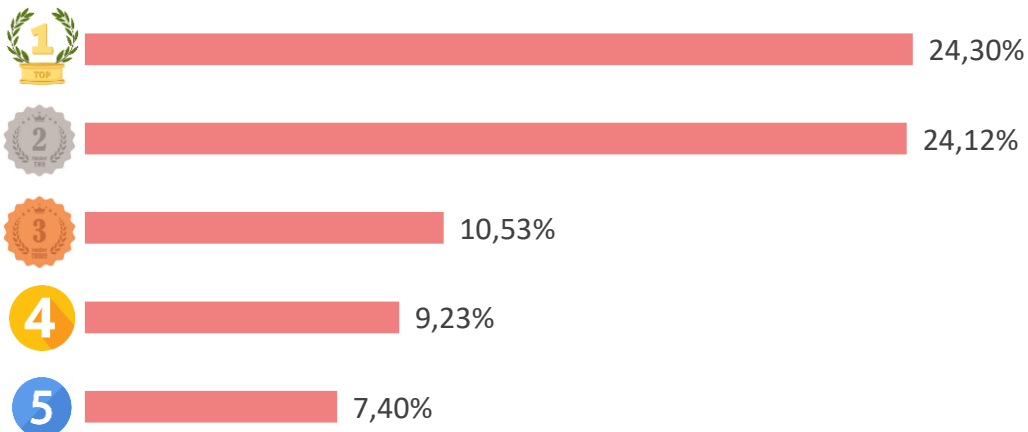
Kim ngạch: **40,4** triệu USD
 Tăng **31,3%** so với T1/2026
 Tăng **198,6%** so với T2/2025



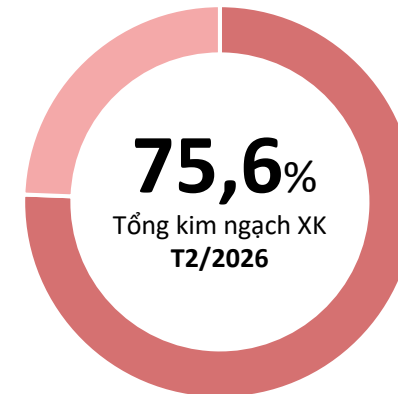
Gia cầm sống

Kim ngạch: **381,1** nghìn USD
 Tăng **8,9%** so với T1/2026
 Giảm **65,8%** so với T2/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch nhập khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất từ thị trường Asean T2/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp nhập khẩu lớn nhất từ thị trường Asean T2/2026





THỊT VÀ SP TỪ THỊT

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG THỊT VÀ SP TỪ THỊT ASEAN



Sản lượng lợn của Thái Lan năm 2025 ước đạt 23,584 triệu con, tăng 0,54% so với năm 2024 nhờ ngành chăn nuôi phục hồi sau dịch tả lợn châu Phi (ASF) và việc tăng cường các biện pháp an toàn sinh học, giúp cải thiện hiệu quả sinh sản và nguồn cung lợn thịt. Năm 2026, sản lượng dự báo tăng nhẹ lên 23,642 triệu con.

Trong khi đó, tiêu thụ thịt lợn năm 2025 đạt khoảng 1,736 triệu tấn, gần như ổn định so với năm trước và chủ yếu phục vụ thị trường nội địa. Nhu cầu tiêu dùng trong năm 2026 được dự báo duy trì ổn định, với kỳ vọng tăng nhẹ nhờ các chính sách hỗ trợ kinh tế và các chương trình thúc đẩy tiêu dùng trong nước.

Nguồn: Bộ Công thương



Tin liên quan



AGRE*i*NFOS

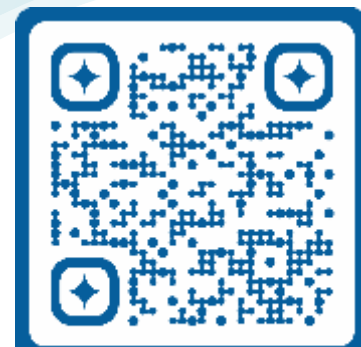
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo